

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.congiaovietnam.info

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 112, Chúa Nhật 07.02.2010

MỤC LỤC

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân: Mục Tiêu Phải Đạt Tới
Vatican 2

NOI GƯƠNG CÁC CHA DÒNG TÊN THỜI BẢO TRỢ 1615-1659, CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN GIÁO HIỆN
NAY
NỀN TỰA VÀO HÀNG GIÁO SĨ TRUYỀN GIÁO TRÁCH NHIỆM Gs. Trần
Văn Cảnh

LỄ PHỤC SINH Ở CAM-PU-CHIA Lm. Giuse Lê Công
Đức

CÓ CÒN "MONG MANH" NỮA KHÔNG ? Phạm
Quang

TUỔI THỌ Lm Nguyễn Hồng Giáo
OFM

HÃY NÂNG TÂM TRÍ LÊN CAO! Luật sư Đoàn Thanh
Liên

THUYỀN ĐỜI TÔNG ĐỒ Br. J.B. Nguyễn Quốc
Tuấn

PHẢI THỰC HÀNH ĐỨC TIN NHƯ THẾ NÀO? Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn
Huấn

CHUNG SỐNG Lm. Lê Văn
Quảng

THÁO GIẦY Nhà Văn Quyên
Di

QUYẾT TÂM ĐẦU NĂM Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
M.D.

CỢP - CHUYỆN PHIẾM CỦA GÃ
SIÊU

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân: Mục Tiêu Phải Đạt Tới

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân
Apostolicam Actuositatem

Chương II

Mục Tiêu Phải Đạt Tới 5*

5. Nhập đề. Công trình cứu chuộc của Chúa Kitô cốt yếu nhằm việc cứu rỗi nhân loại, nhưng cũng bao hàm việc canh tân tất cả trật tự trần thế. Do đó sứ mệnh của Giáo Hội không những là đem Phúc Âm của Chúa Kitô và ân sủng của Người cho nhân loại, mà còn đem tinh thần Phúc Âm thấm nhuần và hoàn thiện những thực tại trần thế. Bởi vậy, trong khi thi hành sứ mệnh này của Giáo Hội, người giáo dân làm việc tông đồ trong Giáo Hội cũng như giữa đời, trong phạm vi thiêng liêng cũng như trong phạm vi trần thế. Hai phạm vi tuy khác biệt, nhưng trong ý định duy nhất của Thiên Chúa, chúng được liên kết với nhau đến nỗi chính Thiên Chúa muốn thâm tóm vũ trụ lại trong Chúa Kitô thành một tạo vật mới, khởi sự ở trần gian và hoàn tất trong ngày sau hết. Trong cả hai phạm vi, người giáo dân, vừa là tín hữu vừa là công dân, phải được hướng dẫn liên tục bằng một lương tâm Kitô giáo duy nhất.

6. Việc Tông đồ nhằm rao giảng Phúc Âm và thánh hóa. Sứ mệnh của Giáo Hội nhằm cứu độ con người, sự cứu độ thành đạt được nhờ đức tin vào Chúa Kitô và nhờ ân sủng Người. Vậy việc tông đồ của Giáo Hội và của tất cả các chi thể trong Giáo Hội trước hết nhằm loan báo sứ điệp của Chúa Kitô bằng lời nói, việc làm và nhằm chuyển thông ân sủng của Người cho trần gian. Công việc này được thực hiện chính là do tác vụ giảng lời Chúa và ban các bí tích, đặc biệt được trao phó cho hàng giáo sĩ, trong tác vụ đó, cả giáo dân cũng phải hoàn tất phần quan trọng của mình để trở nên "những kẻ hợp tác với chân lý" (3 Gio 8). Nhất là trong lãnh vực này, việc tông đồ giáo dân và tác vụ chủ chăn bổ túc cho nhau.

Người giáo dân có rất nhiều cơ hội làm việc tông đồ: rao giảng Phúc Âm và thánh hóa. Chính chứng tá của đời sống Kitô và những việc lành được làm với tinh thần siêu nhiên có sức lôi kéo người ta đến đức tin và đến với Thiên Chúa, vì Chúa phán: "Sự sáng các con phải soi trước mắt người ta, như vậy để họ xem thấy việc lành các con mà ngợi khen Cha các con ở trên trời" (Mt 5,16).

Tuy nhiên việc tông đồ này không chỉ ở tại việc làm chứng bằng đời sống. Người tông đồ đích thực còn tìm dịp loan truyền Chúa Kitô bằng lời nói hoặc cho người chưa tin để đưa họ đến đức tin, hoặc cho tín hữu để giáo huấn họ, củng cố và thúc đẩy họ sống sốt sắng hơn "vì tình yêu Chúa Kitô thôi thúc chúng ta" (2 Cor 5,14) và trong lòng mọi người phải âm vang lời Thánh Tông Đồ: "Thật khốn cho tôi nếu tôi không rao giảng Phúc Âm" (1Cor 9,16) ¹.

Ở thời đại chúng ta phát sinh nhiều vấn đề mới và nhiều sai lầm trầm trọng đang hoành hành nhằm khuynh đảo tận gốc tôn giáo, trật tự luân lý và chính xã hội nhân loại, nên Thánh Công Đồng này hết lòng khuyên nhủ giáo dân mỗi người tùy tài năng và vốn liếng giáo lý, phải theo tinh thần của Giáo Hội mà ân cần chu toàn phận vụ của mình trong việc làm sáng tỏ, bảo vệ các nguyên tắc Kitô giáo và áp dụng đúng đắn những nguyên tắc đó vào những vấn đề của thời đại này.

7. Canh tân trật tự trần thế theo tinh thần Kitô giáo. Hẳn thật ý định Thiên Chúa về thế giới là loài người đồng tâm canh tân và liên tục làm cho trật tự trần thế thêm tốt đẹp.

Tất cả những gì tạo nên trật tự trần thế như giá trị của cuộc sống và của gia đình, văn hóa, kinh tế, nghệ thuật và nghề nghiệp, tổ chức cộng đồng chính trị, bang giao quốc tế, và những thực tại tương tự khác, cũng như sự biến chuyển và tiến bộ của chúng, tất cả những thực tại đó, hoặc xét ngay trong chính bản tính của chúng, hoặc xét chúng như thành phần của toàn thể trật tự trần thế, chẳng những chúng là phương thế giúp con người đạt tới mục đích tối hậu, mà chúng còn có giá trị riêng do Thiên Chúa phú bẩm: "Vì Thiên Chúa nhìn thấy vạn vật Ngài đã tạo thành thật đều rất tốt đẹp" (Stk 1,31). Sự thiện hảo tự nhiên ấy của vạn vật còn có thêm một giá trị đặc biệt do sự liên lạc của chúng với con người, vì chúng được tạo dựng để phục vụ con người. Sau cùng, Thiên Chúa đã vui lòng qui tụ mọi loài, tự nhiên cũng như siêu nhiên, nên một trong Chúa Giêsu Kitô "để Người được nắm quyền tối cao trên hết thảy" (Col 1,18). Nhưng sự đặt định này chẳng những không làm cho trật tự trần thế mất sự tự lập, mất cấu trúc riêng cũng như các định luật và những phương tiện riêng, hay mất tầm quan trọng đối với ích lợi của con người, mà trái lại còn làm cho sức mạnh và giá trị riêng của trật tự đó thêm hoàn hảo, đồng thời nâng cao cho hợp với thiên chức toàn vẹn của con người trên trái đất.

Qua dòng lịch sử, việc sử dụng những sự vật trần thế mắc phải những sai lạc trầm trọng, bởi vì loài người đã bị nhiễm tội nguyên tổ, thường sa vào nhiều lầm lẫn về Thiên Chúa đích thực, về bản tính con người và về những nguyên tắc của luật luân lý: do đó, phong hóa và những định chế của loài người bị hư hỏng, và chính nhân vị đôi khi cũng bị chà đạp. Ngày nay cũng vậy, nhiều người vì quá tin tưởng vào tiến bộ khoa học và kỹ thuật, nên dường như muốn tôn thờ sự vật trần thế, đến nỗi trở thành nô lệ sự vật hơn là làm chủ chúng.

Công cuộc hoạt động của toàn thể Giáo Hội là phải làm cho con người có khả năng xây dựng đúng đắn toàn thể trật tự sự vật trần thế và qui hướng chúng về Thiên Chúa nhờ Chúa Kitô. Các vị chủ chăn có nhiệm vụ trình bày rõ ràng các nguyên tắc về mục đích việc tạo dựng và việc sử dụng sự vật trần thế được canh tân trong Chúa Kitô. ^{6*}

Còn giáo dân phải đảm nhận việc canh tân trật tự trần thế như là nhiệm vụ riêng, và trong nhiệm vụ đó, nhờ được ánh sáng Phúc Âm soi chiếu tinh thần của Giáo Hội hướng dẫn, và bác ái Kitô giáo thúc đẩy, họ phải trực tiếp và cương quyết hành động. Với tư cách là công dân, họ phải đem khả năng chuyên môn cùng tinh thần trách nhiệm để cộng tác với các công dân khác. Họ phải tìm sự công chính nước Thiên Chúa ở mọi nơi và trong mọi sự. Phải canh tân trật tự trần thế cách nào để vẫn tôn trọng toàn vẹn các định luật riêng của nó mà vẫn làm cho trật tự đó phù hợp với các nguyên tắc cao cả của đời sống Kitô giáo, cùng thích nghi với các hoàn cảnh khác nhau của các địa phương, các thời đại và các dân tộc. Trong những công cuộc của việc tông đồ này nổi bật hơn cả là hoạt động xã hội của người Kitô hữu. Thánh Công Đồng ước ao hoạt động đó lan đến mọi lãnh vực trần thế kể cả lãnh vực văn hóa ².

8. Công cuộc bác ái dấu hiệu của việc tông đồ. Mọi hoạt động tông đồ phải bắt nguồn và lấy sức mạnh từ đức ái ^{7*}. Nhưng một vài công việc tự bản chất của chúng có thể biểu lộ tình yêu cách sống động. Chúa Kitô đã muốn những việc đó là dấu chỉ của sứ mệnh cứu độ (x. Mt 11,4-5).

Giới răn quan trọng nhất trong lề luật là yêu mến Thiên Chúa hết tâm hồn và yêu tha nhân như chính mình (x. Mt 22,37-40). Thật vậy, Chúa Kitô đã làm cho giới răn bác ái đối với tha nhân thành một giới răn riêng của Người và mặc cho nó một ý nghĩa mới phong phú hơn, khi Người muốn đồng hóa mình với anh em như chính đối tượng của bác ái, Người nói: "Bao nhiêu lần các người làm những việc đó cho một trong những người hèn mọn là anh em Ta đây, tức là các người làm cho Ta vậy" (Mt 25,40). Bởi vì khi nhận lấy bản tính nhân loại chính Người đã nối kết toàn thể nhân loại với Người thành một gia đình bằng một tình liên đới siêu nhiên, và Người đã dùng đức ái làm dấu chỉ của các môn đệ Người, khi Người nói: "Nếu các con yêu thương nhau, thiên hạ cứ dấu ấy mà nhận biết các con là môn đệ Thầy" (Gio 13,35).

Trong thời sơ khai, Giáo Hội thánh đặt bữa ăn thân tình "agapê" đi liền với bữa tiệc Thánh Thể để biểu lộ sự hiệp nhất hoàn toàn trong tình yêu thương chung quanh Chúa Kitô. Như vậy, bất cứ thời đại nào, người ta cũng nhận ra Giáo Hội nhờ dấu chỉ tình yêu này, và Giáo Hội đã tự đảm nhận những công cuộc bác ái như là nhiệm vụ và quyền lợi bất khả di nhượng của mình, dấu Giáo Hội vẫn hân hoan trước những sáng kiến của người khác. Vì thế, Giáo Hội đặc biệt đề cao lòng xót thương đối với người nghèo đói, bệnh tật, cũng như những công cuộc mệnh danh là từ thiện và tương trợ để xoa dịu mọi nỗi thống khổ của nhân loại ³.

Thời nay nhờ những phương tiện giao thông dễ dàng và nhanh chóng hơn, khoảng cách giữa loài người hầu như không còn nữa, và dân chúng trên hoàn cầu được coi như những người cùng sống trong một gia đình, nên những hoạt động và những công cuộc bác ái càng trở nên khẩn thiết và cần được tổ chức rộng lớn hơn. Ngày nay, hoạt động bác ái có thể và phải nhắm tới tất cả mọi người và mọi nhu cầu. Ở đâu có người thiếu ăn, thiếu uống, thiếu mặc, thiếu nhà ở, thiếu thuốc men, thiếu việc làm, thiếu giáo dục, thiếu những phương tiện cần thiết để sống xứng danh con người, ở đâu có người bị đau khổ vì nghịch cảnh, ốm yếu, chịu cảnh lưu đày, tù ngục, thì ở đó bác ái Kitô giáo phải tìm gặp, ân cần săn sóc, ủi an và xoa dịu họ bằng những trợ giúp thích đáng. Thi hành bốn phận này trước hết là bốn phận của những người giàu và các dân tộc giàu ⁴.

Để thực thi bác ái mà không bị chỉ trích và để tỏ ra là bác ái đích thực, cần phải nhìn nhận nơi tha nhân hình ảnh Thiên Chúa vì họ đã được dựng nên giống hình ảnh Ngài và nhìn nhận nơi họ chính Chúa Kitô, bởi vì bất cứ sự gì được tặng cho người nghèo là đã thực sự được dâng cho Người. Phải hết sức tế nhị tôn trọng tự do và nhân phẩm của người được trợ giúp. Đừng làm hoen ố ý hướng ngay lành vì mưu cầu tư lợi hay vì một tham vọng thống trị nào ⁵. Phải thỏa mãn những đòi hỏi công bình trước đã kéo những tặng phẩm đem cho tương là vì bác ái, mà thực ra phải đền trả vì đức công bằng. Phải tổ chức giúp đỡ sao cho những

người được trợ giúp dần dần thoát khỏi sự lệ thuộc người khác và có thể tự túc.

Vậy người giáo dân phải quý trọng và tùy sức giúp vào các việc từ thiện và những sáng kiến nhằm cứu trợ xã hội của tư nhân cũng như của quốc gia, kể cả quốc tế. Nhờ những công cuộc đó, người ta mới trợ giúp hữu hiệu cho mỗi người và mỗi dân tộc đang lâm cảnh khốn cùng. Trong việc này, giáo dân cần cộng tác với mọi người thiện chí ⁶.

Chú Thích:

5* Công đồng nêu lên nguyên tắc hướng dẫn tổng quát cho việc tông đồ này: trật tự siêu nhiên và tự nhiên, tuy vẫn phân biệt nhau, nhưng cùng hợp nhất trong một ý định của Thiên Chúa, là Ngài muốn qui tụ toàn thể giới trong Chúa Kitô, và chính do ý định này mà hoạt động tông đồ giáo dân cần thiết có mặt trong lãnh vực trần tục.

Đức Phaolô VI, vào ngày 3 tháng Giêng năm 1964, đã nói với những người tốt nghiệp khóa "Công Giáo Tiến Hành": "Chúng con phải ý thức về hai xã hội khác biệt nhau này, chúng luôn đi đôi với nhau và liên hệ với nhau. Và chính khi chúng con nhìn nhận cả hai quyền hành này, quyền của Giáo Hội và quyền của trần gian, mà chức vụ của chúng con được phát triển... chúng con trở nên chứng nhân Kitô giáo trong lãnh vực nghề nghiệp của chúng con và là công dân gương mẫu trong đời sống công giáo".

1 Xem Piô XI. Tđ Ubi arcano, 23-12-1922: AAS 14 (1922), trg 659. - Piô XII, Tđ Summi pontificatus, 20-10-1939: AAS 31 (1939), trg 442-443.

6* Để bảo đảm giá trị ơn gọi trần thế của người giáo dân, Công Đồng đã nhắc lại những nguyên tắc nền tảng của giá trị trần thế. Đã từ lâu, nhiều Kitô hữu và trường phái tu đức tỏ ra coi thường những giá trị nhân bản, và thường họ chỉ đánh giá của cải vật chất như những phương tiện giúp cho việc cứu rỗi cũng như cho mục đích siêu nhiên của người Kitô hữu.

Công Đồng xác định rằng những tài sản của đời sống và gia đình, nền văn hóa, kinh tế, chánh trị, hay những liên lạc quốc tế v.v... đều có những giá trị riêng của chúng do ý muốn của chính Thiên Chúa (x. MV 36).

Nhưng bậc thang giá trị đúng đắn đòi hỏi rằng những tài sản vật chất ấy, thay vì trở nên thần tượng hay những ông chủ độc tài của con người, phải tùy phục vài lý trí con người cũng như vào những nguyên tắc của đời sống luân lý. Vì chưng, do sự liên lạc mật thiết với nhân phẩm con người mà những tài sản vật chất ấy giữ giá trị của chúng.

2 Xem Lêô XIII. Tđ Rerum Novarum: AAS 23 (1890-91), trg 647. - Piô XI, Tđ Quadragesimo Anno: AAS 23 (1931), trg 190. - Piô XII, Nuntius radiophonicus, 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 207.

7* Hoạt động bác ái nằm trong lãnh vực siêu nhiên và trần thế, vì thế tự nó, hoạt động tông đồ giáo dân luôn bao hàm hoạt động bác ái. Tuy nhiên hoạt động bác ái này vẫn luôn có đặc tính thúc đẩy tự nhiên trong mọi lãnh vực, và điều này chứng tỏ cách đặc biệt tinh thần của Chúa Kitô.

3 Xem Gioan XXIII, Tđ Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 402.

4 Xem n.v.t. trg 440-441.

5 Xem n.v.t. trg 442-443.

6 Xem Piô XII, Huấn từ ad Pax Romana MIIC, 25-4-1957: AAS 49 (1957), trg 298-299. Và nhất là Gioan XXIII, ad Conventum Consilii "Food and Agriculture Organisation" (F.A.O.), 10-11-1959: AAS 51 (1959), trg 856,866.

VỀ MỤC LỤC

NOI GƯƠNG CÁC CHA DÒNG TÊN THỜI BẢO TRỢ 1615-1659, CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN GIÁO HIỆN NAY NÊN TỰA VÀO HÀNG GIÁO SĨ TRUYỀN GIÁO TRÁCH NHIỆM

Kinh nghiệm truyền giáo thời Bảo Trợ, đặc biệt kinh nghiệm của các cha Dòng Tên (bài 5 và 6), từ 1615 đến 1659, đã tạo cho Giáo Hội Việt Nam một cộng đoàn tâm tòng đông đúc được 100.000 giáo hữu và có tinh thần hiệp nhất và yêu thương, là một kinh nghiệm rất quý giá cho Giáo Hội Việt Nam hiện nay. Tựa vào kinh nghiệm này và kinh nghiệm của các cha Thừa sai Hải Ngoại Paris, trong thời Tông Tòa, từ 1659 đến 1960, đã làm lớn mạnh Giáo Hội, đem số giáo dân lên tới số 2.096.540 giáo hữu, chẳng những có tinh thần hiệp nhất và yêu thương mà còn can trường tuyên xưng đức tin, Hàng Giáo Phẩm Việt Nam đang hé cho chúng ta thấy một đề nghị mà các ngài đang muốn phác thảo cho dự án truyền giáo ở Việt Nam cho những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Dự án truyền giáo này có mục tiêu nhiều tham vọng, là làm lớn mạnh giáo hội hơn nữa, với một lớp giáo hữu chẳng những có tinh thần hiệp nhất, yêu thương và can trường tuyên xưng đức tin, mà còn có tinh thần truyền giáo nữa. Đó là điều mà HĐGMVN đã nhiều lần công bố vào dịp Năm Thánh 2010.

Trong thư HĐGMVN gửi Cộng Đồng Dân Chúa ngày 17/04/2009, về việc chuẩn bị Năm Thánh 2010, Đức cha Chủ Tịch Nguyễn Văn Nhơn viết : *« Cử hành Năm Thánh 2010 là dịp để chúng ta cùng nhau nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua trong tâm tình tạ ơn về biết bao hồng ân Chúa ban, tạ ơn vì những hy sinh của các bậc tiền nhân, các ân nhân cũng như các chứng nhân đức tin ; đồng thời tạ lỗi vì đã chưa bày tỏ được hình ảnh Giáo Hội như lòng Chúa mong ước. Đây cũng là cơ hội cho ta nhìn vào hiện tại với cặp mắt đức tin để phân định những thách đố cũng như những thuận lợi cho đời sống và sứ mạng của Giáo Hội. Đây còn là thời điểm thúc đẩy chúng ta nhìn tới tương lai với **quyết tâm xây dựng một Giáo Hội như gia đình của Chúa, như cộng đoàn hiệp thông huynh đệ, và là cộng đoàn loan báo Tin Mừng Chúa Kitô nhằm phục vụ sự sống và phẩm giá của mọi người, nhất là những người nghèo khổ** »*. Mục tiêu truyền giáo này, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI rất tán đồng, qua sứ điệp Ngài gửi cho Đức cha Chủ Tịch, ngày 17/11/2009, với những lời như sau : *« Năm Thánh là một thời điểm chứa chan ân sủng, thuận lợi cho việc hòa giải với Thiên Chúa và anh em đồng loại. Trong ý hướng đó, chúng ta nên nhìn nhận những sai lỗi chúng ta đã phạm trong quá khứ và hiện tại, đối với anh em đồng đạo và anh em đồng bào, và xin mọi người tha thứ. Đồng thời, chúng ta nên quyết tâm đào sâu và phong phú hóa sự hiệp thông trong giáo hội và xây dựng một xã hội công bằng, liên đới và bình đẳng, bằng con đường đối thoại chính thức, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác cách lành mạnh với nhau. **Năm Thánh cũng là một thời gian đặc biệt dành cho chúng ta để làm mới lại công việc loan báo Tin Mừng cho anh em đồng bào, và để chúng ta ngày càng trở nên một giáo hội của Hiệp Thông và Sứ Vụ** »*.

Để đạt mục tiêu có tham vọng tương đối cao này, chương trình nào sẽ phải được thiết kế ? Để thiết kế được những công việc phải làm trong một chương trình nào đó, phương pháp dự án đưa ra hai nguyên tắc. Thứ nhất phải tìm ra những nguyên nhân của tình huống hiện tại hầu sửa đổi hay cải tiến tình huống này. Thứ hai phải dựa vào những nguyên nhân của tình huống hiện tại và dựa theo mục tiêu của tương lai để tìm ra chương trình những công việc phải làm hầu đạt mục tiêu đã xác định mà loại bỏ được những nguyên nhân xấu đã tạo nên tình huống hiện tại, hay tối ưu hóa những nguyên nhân hữu hiệu đã làm tốt tình huống hiện tại. Giữa những nguyên nhân của tình huống hiện tại và chương trình thực hiện của đường hướng tương lai có một liên hệ nhân quả rất mật thiết. Nói như vậy, lần lượt chúng ta sẽ xét hai điểm sau đây : 1- Những nguyên nhân của tình trạng truyền giáo hiện nay ; 2. Noi gương các cha Dòng Tên thời Bảo Trợ, chương trình truyền giáo hiện nay nên tựa vào hàng giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm.

1. Những nguyên nhân của tình trạng truyền giáo hiện nay

Trong các doanh nghiệp, khi xét đến tình trạng ở một giai đoạn nào đó, thường thì ba kết quả sẽ được đưa ra : số lượng sản phẩm, số lượng khách hàng và số lượng tài chính. Trong việc truyền giáo, dầu theo quan niệm « Ở giữa lương dân (inter gentes) » hay « Đến với lương dân (Ad gentes) », thì số giáo dân vẫn là một yếu tố căn bản mà tất cả các thống kê đều ghi nhận, vì nó là một yếu tố quan trọng đo lường sự hiện hữu mạnh yếu của một tôn giáo. Năm loại nguyên nhân phương tiện (les 5 Moyens) thường được dùng để phân tích tình trạng của một kết quả : chất liệu (matière), thiết bị (Matériel), nhân sự (Main d'œuvre), phương pháp (Méthode) và môi trường (Milieu).

Thời Bảo Trợ, dầu về thiết bị là cơ sở và phương tiện eo hẹp, dầu về môi trường là thái độ

ganh ghét của một số nho sĩ và phật tử, nhưng nhờ nhân sự là các cha dòng Tên có tài năng và trách nhiệm, cũng như các thầy giảng có nhiệt thành, nhờ phương pháp là sự tôn trọng và hội nhập văn hóa việt nam và nhờ chất liệu là người việt nam có tâm tình tôn giáo cao, một kết quả ngoài tưởng tượng đã đạt được. Đó là sự gia nhập của 100.000 tân tòng có tinh thần hiệp nhất và yêu thương nhau.

Vậy nguyên nhân nào đã đưa đến kết quả truyền giáo hiện nay ? Cha Antôn Nguyễn Ngọc Sơn đã nhận định rằng « Việc truyền giáo (hiện nay) ở Việt Nam có hiệu quả chưa cao, vì số tăng trưởng tỷ số công giáo / toàn dân chỉ được 0.22% từ 1960 đến 2007. (Tỷ số này hẳn thật sẽ đã cao hơn, nếu không có cuộc vượt biên từ 1975 của trên 1.000.000 người, trong đó có rất nhiều người công giáo). Và cha Sơn đã đưa ra ba nguyên nhân : 1- Chưa có một nhận thức đầy đủ về việc loan báo Tin Mừng ; 2- Thiếu nền tảng Kitô học vững chắc ; 3- Thực trạng sống đạo chưa đáp ứng với yêu cầu của Tin Mừng. Cả ba nguyên nhân mà cha Sơn đã phân tích đều qui về một. Đó là nhân sự. Dĩ nhiên ai cũng thấy rằng, trong việc truyền giáo, yếu tố nhân sự là quan trọng hơn cả. Nhưng, để có một cái nhìn toàn diện, có lẽ cả năm yếu tố phương tiện sẽ cần phải được gợi ra.

Về chất liệu : con người việt nam, lương và giáo, dẫu vẫn còn tâm tình tôn giáo cao, nhiều người hiện nay đã bị chủ nghĩa vật chất chiếm đoạt, mà biến tính, thành ra gian dối, giả hình, ích kỷ...Đó là một trong những lý do khiến có những người trở lại đạo chỉ vì để được làm lễ cưới với người công giáo, chứ chưa thật tình muốn theo đạo.

Về môi trường, những người chống tôn giáo, và chống công giáo, có quyền lực nhiều hơn, có tổ chức chặt chẽ và thống nhất hơn, có lực lượng mạnh và đông hơn, và có kỹ thuật đàn áp tinh xảo hơn,...

Về nhân sự, số cán bộ công giáo là giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân đông hơn, sánh với thời Bảo Trợ. Nhưng ba sự kiện mới. Trước nhất là sĩ số giáo sĩ giảm hẳn xuống, vì những lý do khác nhau, trong thời gian gần 50 năm ở miền Bắc, từ 1954 đến 2000, và gần 30 năm ở miền Nam, từ 1975 đến 2000. Từ đó, sự kiện mới thứ hai là ý thức sứ mệnh thay đổi. Thời Bảo trợ và Tông Tòa, tất cả các giáo sĩ ngoại quốc đều cho mình có sứ mệnh trước nhất là truyền giáo ra ngoài cho lương dân, trong khi đó, sang thời Chính Tòa, nhất là trong ba thập niên 70, 80 và 90, các giáo sĩ việt nam thấy sứ mệnh cai trị nội bộ giáo phận và giáo xứ là quan trọng hơn, để bảo vệ đức tin. Rồi, sự kiện mới thứ ba, xuất hiện rõ nét từ thập niên 2000, là thay đổi về trách nhiệm và công việc ưu tiên. Các giáo sĩ và những giáo dân nhiệt thành đã chuyển hướng ưu tiên sang những công việc về tổ chức và sinh hoạt nội bộ họ đạo : xây cất, trang trí và làm đẹp thánh đường, lo việc ca hát, lễ lạy, lập các hội đoàn, tổ chức hội họp,.... Một số xí nghiệp mà nhân viên rất giỏi và chuyên tâm về việc sản xuất các sản phẩm có chất lượng rất cao, nhưng sao nhãng việc chinh phục khách hàng để bán sản phẩm ra bên ngoài. Kết quả là các sản phẩm chất lượng cao ấy bị tồn kho, ứ đọng trong nội bộ, không được hoặc rất ít được lưu hành ra bên ngoài. Khó khăn rồi khủng hoảng. Nếu biết thức tỉnh giao dịch, lối thoát sẽ được mở ra, rồi sự sinh tồn được duy trì và phát triển. Nếu không, một tương lai khác sẽ khó lường.

Về cơ sở thiết bị và phương pháp dụng cụ, từ 1954 đến 1975, trong hai tổng giáo phận Sài Gòn và Huế, các cơ sở và thiết bị của Giáo hội đã được xây dựng hoặc tái thiết rất nhiều, ở thành phố cũng như ở thôn quê. Vào năm 1967, trong hai giáo tỉnh Huế và Sài Gòn, có 1.406 trường tiểu học quy tụ 311.000 học sinh, 188 trường trung học quy tụ 254.801 học sinh, 1 viện Đại Học Đà Lạt. Năm 1970, mở thêm 2 đại học khác : Viện Đại Học Minh Đức Sài Gòn do Lm Bửu Dưỡng và Viện Đại Học Thành Nhân Sài Gòn do các sư huynh Lasan (Lange, Claude : Ecole catholique et Mission de l'Eglise au Vietnam (1860-1975), trong Echos de la rue du Bac, n°237, mars 1989, tr. 88-96). Năm 1969, trong hai giáo tỉnh Sài Gòn và Huế, có 41 bệnh viện với 7000 giường, 239 trạm phát thuốc, 36 nhà hộ sinh, 9 trại cùi với 2.500 bệnh nhân, 82 cô nhi viện với 11.000 trẻ mồ côi, 29 viện dưỡng lão (Linh mục nguyệt san, số 105 ; 1970, tr. 618-619).

Từ 1975, hầu hết các cơ sở văn hóa giáo dục và xã hội y tế đều đã bị tước đoạt, tịch thu hay mượn tạm. Cho đến nay, chúng vẫn chưa được hoàn trả. Hai phương tiện truyền giáo ưu tiên của giáo hội đã bị chặt đứt. Phương pháp truyền giáo hữu hiệu nhất của Giáo Hội Việt Nam, đã được đào luyện từ thời Bảo Trợ, dựa vào giáo dục đào tạo, hội nhập văn hóa và bác ái xã hội đã bị tịch thu để xử dụng vào việc khác.

Như vậy, hai phương tiện có gốc từ bên ngoài là chất liệu và môi trường, dường như bất

lợi hơn cho việc truyền giáo. Ba phương tiện phát xuất từ nội bộ là nhân sự, cơ sở và phương pháp, do thời thế, cũng bị rất nhiều nghịch cảnh, đe dọa và tai họa. Trước những bất lợi, nghịch cảnh, đe dọa và tai họa trên đối với các phương tiện, để đạt được mục tiêu mà HĐGMVN đã hé mở ra, việc truyền giáo trong tương lai phải đưa ra chương trình nào ? Phải tựa vào điều chủ yếu nào ?

2. Noi gương các cha Dòng Tên thời Bảo Trợ, chương trình truyền giáo hiện nay nên tựa vào hàng giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm

Dường như một luồng gió mới Thánh Linh đang thổi vào giáo hội, từ những năm 2000 và nhất là từ ngày khai mạc Năm Thánh tại Sở Kiện, ngày 24/11/2009.

Năm 1980, khi thành lập HĐGMVN, các chủ chăn chỉ nghĩ tới việc thành lập 3 ủy ban là 1- Phụng tự, 2- Linh mục, tu sĩ và chủng sinh, 3- và Giáo dân.

Năm 2001, thời cơ thuận lợi hơn, các ngài đã nghĩ đến việc tìm **một giải đáp tổ chức cho việc truyền giáo bằng cách thành lập 4 ủy ban mới**. Đó là 1- Loan báo Tin Mừng 2- Giáo lý Đức tin và Thánh Kinh, 3-Văn Hoá và 4- Bác Ái Xã hội. Qua bốn ủy ban này, một dự án truyền giáo đã được gợi ý, xoay quanh ba trục : trục hành động là truyền giáo, trục nội dung rao truyền là giáo lý, đức tin và kinh thánh, trục phương pháp là bằng văn hóa và bác ái xã hội. Cũng năm 2001 này, Ủy Ban Linh mục, tu sĩ và chủng sinh, được thành lập từ 1980, đã được chia làm hai Ủy Ban : Tu sĩ và Giáo sĩ Chủng sinh. Từ đây, số lượng chủng sinh và linh mục tăng dần lên. Hiện nay, số tân linh mục hằng năm đếm được cả trăm vị. Số linh mục được gởi đi tu nghiệp, chuẩn bị các học vị thạc sĩ và tiến sĩ cũng tăng hẳn lên.

Năm 2003, qua thư mục vụ, HĐGMVN đã đưa ra một giải đáp chi tiết hơn cho việc truyền giáo bằng cách mời gọi mọi tín hữu « *hãy đáp lại lời gọi "Ra khơi" của Đức Thánh Cha, qui hướng lời cầu nguyện và hoạt động của Hội Thánh tại Việt Nam vào việc "Loan báo Tin Mừng"* (HĐGMVN, Sứ mạng loan báo Tin Mừng của Hội Thánh Việt Nam Hôm Nay, Thư mục vụ năm 2003 của HĐGMVN).

Và để thực hiện việc loan báo Tin Mừng, thư mục vụ đã nêu ra **bốn tiếp cận** : 1- Chúng ta hãy tiếp bước các vị thừa sai đầy nhiệt tình tông đồ, hãy phát triển truyền thống kiên cường của các bậc tiền nhân anh hùng tử đạo ; 2- Sống hoà thuận thương yêu nhau (x. Cv 2, 44-46) và rao truyền đức tin trong tất cả mọi hoàn cảnh của cuộc sống ; 3- đến với những môi trường mới, đến với những con người chưa được nghe rao giảng Tin Mừng, Tin Mừng phải hội nhập vào mọi lãnh vực của con người ; và 4- biết sử dụng ngôn ngữ, cách diễn tả phù hợp với văn hoá và tâm lý người đương thời.

Theo những tiếp cận này, một chương trình gồm **ba nhóm việc làm** đã được HĐGM đề nghị : 1- Về phương diện thiêng liêng : Cầu nguyện cho việc truyền giáo, Nêu gương sống lương tâm công giáo ; 2- Về phương diện đối thoại : Thăm viếng thân hữu các thành viên tôn giáo bạn, Trao đổi với người ngoài công giáo về một đề tài chung ; 3- Về phương diện thực hành : Thiết lập ban truyền giáo, kết nghĩa và làm việc bác ái.

Năm 2009, hai tài liệu chuyên biệt về việc truyền giáo đã được hai Ủy Ban Giám Mục của HĐGMVN phổ biến.

Tiếp nối đường hướng của Thư Mục Vụ 2003 của HĐGMVN, Ủy Ban Loan Báo Tin Mừng trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, qua cuộc hội thảo với chủ đề "Người thừa sai trên cánh đồng sứ vụ" từ ngày 23 đến ngày 25.03.2009, tại Trung Tâm Văn Hoá Đức Tin Công Giáo Sài Gòn đã đưa ra một chương trình hành động cụ thể cho việc truyền giáo hiện nay ở ba cấp. **Cấp gia đình và giáo xứ** : Gia đình cầu nguyện, Phổ biến Lời Chúa, Xứ đạo truyền giáo. **Cấp giáo phận** : Cùng cố UBLBTM, Thực hiện chương trình : "Người người Tân Ước, nhà nhà Kinh Thánh". **Cấp toàn quốc** : thiết lập Ban Thường Vụ UBLBTM ; tìm cách thực hiện chương trình : "Người người Tân Ước, nhà nhà Kinh Thánh" ; Tìm cách phối hợp chặt chẽ với các UB khác như UBTT, UBBAXH-Caritas, UBVH, UBĐT... ; Quan tâm và giúp đỡ việc đào tạo giáo dân dẫn thân tham gia trực tiếp vào công việc truyền giáo ; Nghiên cứu và cung cấp tài liệu truyền giáo...

Tiếp nối công việc « Sống Lời Chúa » đã được HĐGMVN nói đến trong thư mục vụ 2005, Ủy Ban Kinh Thánh vừa phổ biến một nghiên cứu dưới chủ đề « Rao giảng Lời Chúa tại Việt Nam trong 50 năm qua (1960-2010) ». Nói về việc định hướng tương lai, Ủy Ban đã đưa ra 6 đề nghị, trong đó về đề nghị thứ sáu là « Quan tâm đưa Lời Chúa hội nhập vào trong môi trường văn hoá », **việc đào tạo các nhà truyền giáo đã được nhấn mạnh**. Ủy Ban viết :

« Nhằm một việc hội nhập văn hoá trung thực sứ điệp Tin Mừng, ta phải đảm bảo việc đào tạo các nhà truyền giáo bằng những phương tiện thích hợp để hiểu biết tận chiều sâu môi trường sống, hoàn cảnh văn hoá xã hội, sao cho họ có thể tháp nhập vào trong môi trường, trong ngôn ngữ cũng như trong các nền văn hoá bản địa. Trách nhiệm đầu tiên của Hội Thánh địa phương là làm cho sứ điệp Tin Mừng có thể hội nhập văn hoá trung thực, trong khi dĩ nhiên vẫn lưu ý đến nguy cơ chiết trung. Phẩm chất của công việc hội nhập văn hoá tùy thuộc mức độ chín chắn của cộng đoàn có nhiệm vụ loan báo Tin Mừng ».

Nhìn qua ba thời điểm 2001, 2003 và 2009, ta có thể bảo rằng đó là ba tiền chương trình đã và đang được gợi ra. Những chương trình này có thích hợp với dự án truyền giáo mà Giáo Hội Việt Nam đang muốn xây dựng cho tương lai, nhân dịp Năm Thánh 2010 không ? Chúng có khả năng loại bỏ được những nguyên nhân khiến việc truyền giáo chưa tiến nhanh hơn không? Phải tựa vào đâu để thiết lập chương trình làm việc phát triển việc truyền giáo cho những thập niên đầu thế kỷ XXI ? Để trả lời những vấn đề này trước nhất chúng ta thử so sánh những nguyên nhân đã nhận ra và những (tiền) chương trình đã được gợi ra.

	Nguyên nhân nhận ra	Chương trình đã gợi ra
Chất liệu	Con người việt nam, lương và giáo, hầu vẫn còn tâm tình tôn giáo cao, nhưng nhiều người hiện nay đã bị chủ nghĩa vật chất chiếm đoạt, mà biến tính, thành ra gian dối, giả hình, ích kỷ...	
Môi trường	Những người chống tôn giáo, và chống công giáo, có quyền lực nhiều hơn, có tổ chức chặt chẽ và thống nhất hơn, có lực lượng mạnh và đông hơn, và có kỹ thuật đàn áp tinh xảo hơn,...	
Nhân sự	Nhân sự giáo sĩ sụt số lượng trong những năm 1954-1999, sứ mệnh thiên về quản trị giáo xứ, giáo phận hơn là hướng về truyền giáo cho lương dân, và ưu tiên công việc dành cho tổ chức họ đạo, giáo phận.	1. 2001 UB Giao sĩ chủng sinh : tăng việc đào tạo giáo sĩ. 2. 2009 UBTK : Đào tạo các nhà truyền giáo
Phương pháp	Phương pháp truyền giáo hữu hiệu nhất của Giáo Hội Việt Nam, đã được đào luyện từ thời Bảo Trợ, dựa vào giáo dục đào tạo, hội nhập văn hóa và bác ái xã hội đã bị tịch thu để xử dụng vào việc khác.	1. 2001 : Tổ chức việc truyền giáo qua việc lập 4 ủy ban mới : LBBTM, GLĐTKT, BAXH, VH 2. 2003 : phương pháp thiêng liêng, đối thoại, tổ chức giáo họ và bác ái 3. Biết xử dụng ngôn ngữ, cách diễn tả phù hợp với văn hóa và tâm lý người đương thời. 4. 2009 UBLBTM : tổ chức ba cấp truyền giáo : giáo xứ, giáo phận và toàn quốc
Thiết bị	Các cơ sở văn hóa giáo dục và y tế xã hội đều bị tước đoạt, tịch thu hay mượn tạm	

Nhìn bảng so sánh này, ba nhận xét dễ dàng nảy ra. Thứ nhất là ba nguyên nhân : chất liệu, môi trường và thiết bị còn trống, chưa có chương trình nào cải tiến. Đó là một thiếu sót mà chương trình tương lai cần phải cứu xét và bổ khuyết, tùy theo hoàn cảnh và khả năng.

Ngược lại, rõ rệt tác nhân phương pháp đã được đặc biệt lưu tâm trong ba tiền dự án

2001, 2003 và 2009. Chẳng những hai phương pháp cổ điển là văn hóa đào tạo và y tế xã hội đã được đề nghị, mà đặc sắc nhất là khía cạnh tổ chức truyền giáo ở ba cấp giáo xứ, giáo phận, toàn quốc đã được tỷ mỉ phác thảo. Chương trình tương lai cần giữ lại và thực hiện ba công việc này. Đó là nhận xét thứ hai. Nhận xét thứ ba, là về vấn đề nhân viên giáo sĩ truyền giáo, có lẽ ba tiền dự án 2001, 2003 và 2009 chưa nhấn mạnh cho đủ.

Về ba nguyên nhân liên hệ đến nhân sự truyền giáo, nguyên nhân thứ nhất là sự giảm sút số lượng đào tạo giáo sĩ trong những năm 1954-2000 đã đang được cải tiến khả quan từ năm 2000. Với hoàn cảnh đổi mới hiện nay, có nhiều hy vọng để việc đào tạo giáo sĩ vẫn có điều kiện thuận lợi để phát triển trong tương lai.

Nguyên nhân thứ hai liên hệ đến sự chuyển hướng sứ mệnh từ « truyền giáo cho lương dân » sang « quản trị giáo phận và giáo xứ » và nguyên nhân thứ ba dành ưu tiên cho công việc « tổ chức giáo phận, giáo xứ » hơn là « gặp gỡ, đối thoại với lương dân » chưa có biện pháp nào đã được đưa ra để sửa đổi và cải tiến. Sứ mệnh và công việc ưu tiên là những điểm rất quan trọng mà chỉ các giáo sĩ lãnh đạo mới có khả năng lấy những quyết định có thẩm quyền. Trong những chương trình truyền giáo tương lai, **sứ mệnh « truyền giáo cho lương dân » và công việc « gặp gỡ, đối thoại với lương dân » có sẽ được ưu tiên không ?**

Về nhân sự truyền giáo, còn một điều rất quan trọng khác cần phải nói rõ. Đó là sự kiện phải phân biệt hai lớp nhân sự : lớp giáo sĩ lãnh đạo là HĐGMVN, giám mục chính tòa và linh mục chính xứ, và lớp tu sĩ và giáo dân cộng tác viên.

Truyền giáo là một công việc, hay đúng hơn là một công trình. Giáo sĩ lãnh đạo truyền giáo, cũng như bất cứ lãnh đạo nào khác, có thể ủy quyền trong mọi sự, nhưng phải đảm trách hai việc là định hướng và kiểm soát. **Công việc truyền giáo chỉ có thể được thực hiện tốt khi có giáo sĩ lãnh đạo nhận lãnh trách nhiệm.** Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 đưa ra 6 trách nhiệm mà một lãnh đạo phải thực hiện. Áp dụng vào giáo sĩ lãnh đạo truyền giáo ta có thể ghi ra sáu trách nhiệm sau đây :

- làm lời cam kết làm việc truyền giáo,
- theo dõi và lắng nghe nhu cầu của lương dân và của giáo dân,
- thiết kế một chính sách truyền giáo,
- thiết lập một chương trình làm việc truyền giáo,
- quản trị công việc truyền giáo và
- duyệt xét công việc và kết quả truyền giáo.

Khi ta có giáo sĩ lãnh đạo truyền giáo lãnh nhận và thực hiện sáu trách nhiệm lãnh đạo này, thì ta sẽ có giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm và gương mẫu. Người lãnh đạo gương mẫu, nhờ có tinh thần trách nhiệm lãnh đạo, lo lắng để ban lãnh đạo và toàn thể cơ quan đều nhằm cùng một mục đích chung và tạo mọi điều kiện để các cộng tác viên có thể dẫn thân thực hiện mục đích chung của cơ quan. Khi ta có giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm thì ta sẽ có một yếu tố quyết định để có được kết quả truyền giáo có chất lượng cao. Đó là lý do khiến chúng ta dám đề nghị rằng : **« Noi gương các cha Dòng Tên thời Bảo Trợ, chương trình truyền giáo hiện nay nên tựa vào hàng giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm ».**

Đó cũng là kinh nghiệm mà các cha Dòng Tên thời Bảo Trợ đã truyền lại cho Giáo Hội Việt Nam.

KẾT LUẬN

Đọc lại lịch sử truyền giáo thời Bảo Trợ, đặc biệt là giai đoạn 1615-1659, người đọc không khỏi ngỡ ngàng về những kết quả vượt tưởng tượng mà các cha Dòng Tên đã đạt được. Nhưng khi tìm hiểu thêm về cách làm việc và tinh thần trách nhiệm của họ, thì ta thấy quả thật họ xứng đáng với những kết quả đã đạt được. Nói theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9000, thì :

- Là giáo sĩ lãnh đạo truyền giáo, mỗi cha Dòng Tên đều nêu gương lãnh đạo truyền giáo.

- Họ tìm hiểu những biến đổi của môi trường truyền giáo và của xã hội Việt Nam để thích ứng theo.
- Họ theo dõi nhu cầu của mọi phần tử liên hệ đến việc truyền giáo, từ lương dân, giáo hữu cộng sự viên, đến quan quyền và các thành phần xã hội khác, về văn hóa, tôn giáo, kinh tế, chính trị.
- Họ nhìn ra hướng đi rõ rệt cho việc truyền giáo trong tương lai.
- Họ xác định được những giá trị và một cư xử chung cho đoàn truyền giáo.
- Họ gây được tín nhiệm và loại bỏ được những nghi nan.
- Họ cung ứng cho các cộng sự viên những phương tiện cần thiết và tin tưởng cho họ tự do lấy sáng kiến hành động một cách trách nhiệm.
- Họ biết nhìn nhận công lao của các cộng sự viên và khích lệ họ.
- Họ đào tạo, huấn luyện và hướng dẫn các cộng sự viên.
- Họ dám xác định những mục tiêu truyền giáo cao
- Và họ tìm cách thiết kế một chiến thuật thực hiện những mục tiêu đã ấn định.

Trong việc truyền giáo tại Việt Nam thời Bảo Trợ, tất cả các cha dòng Tên đều đã tích cực và hy sinh đủ điều, chấp nhận mọi khó khăn để loan báo Tin Mừng. Cha Đắc Lộ được coi là biểu tượng của các cha Dòng Tên ở Việt Nam thời đó. Ngay từ khi có ý định gia nhập Dòng Tên ở Roma, cha đã muốn sau này được đi truyền giáo ở Đông Á. Vào truyền giáo ở Việt Nam, cha hoạt động truyền giáo ở Đàng Trong qua hai thời kỳ : 1624-1626 và 1640-1645. Là một trong hai người đầu tiên chính thức mở ra cuộc truyền giáo ở Đàng ngoài từ 1627-1630, cha Đắc Lộ có nhiều sáng kiến, nhiệt tình, can đảm trong sứ vụ. Cha là thừa sai đi lại nhiều nơi nhất ở Việt Nam thời đó (Đỗ Quang Chính, Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773, 2007, Texas, tr. 76). Có thể nói rằng cha đã làm tất cả 11 điều nêu trên đây. Cha rao giảng Tin Mừng theo phương pháp thích hợp với văn minh và văn hóa Việt Nam. Cha xây dựng giáo hội hòa nhập với văn hóa gia đình Việt Nam : hiểu thảo với ông bà cha mẹ, đọc kinh sáng tối trong gia đình, lập tổ chức Nhà Đức Chúa Trời, linh tông, ... Có thể bảo rằng cha Đắc Lộ xứng đáng làm mẫu gương cho tất cả các giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm Việt Nam trong mọi thời, ngay cả thời hiện đại.

Giáo hội đang chuẩn bị hồ sơ phong thánh cho ba vị : Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (đại diện cho thời Chính Tòa). Hai Đức cha François Pallu và Pierre Lambert de la Motte (đại diện cho thời Tông Tòa). **HĐGMVN có nên đề nghị với Dòng Tên cùng gửi Thịnh Nguyễn Thư xin mở án phong chân phước cho cha Đắc Lộ (đại diện cho thời Bảo Trợ) không ?**

Paris, ngày 14 tháng 01 năm 2010

Trần Văn Cảnh

VỀ MỤC LỤC

LỄ PHỤC SINH Ở CAM-PU-CHIA

(trích hồi ký)

Những trang hồi ký này, nguyên bằng tiếng Anh, là của Cha T., một linh mục thừa sai người Philippines, phục vụ tại Cam-pu-chia vào thập niên 1980.

Trong một giảng khóa thần học Đối Thoại Tôn Giáo tại UST, Manila, Giám mục Teodore Bacani đã trao cho các sinh viên bản 'copy,' đề nghị rút ra và nhận định tầm nhìn của Cha T.

về đối thoại tôn giáo, về hội nhập văn hóa, và về sứ mạng Kitô giáo nói chung.

Xin giới thiệu bản tiếng Việt đến bạn đọc, để những ai quan tâm có thể cùng tham gia nhận định và trao đổi.

Lm. Lê Công Đức

Đó là buổi chiều Chủ Nhật Phục Sinh tại làng Chomnaon. Cuối cùng, các cử hành Tuần Thánh đã trôi qua. Trời rất ẩm ướt. Tôi tự buộc mình ngả lưng trên chiếu và nghỉ một chút trước khi lái xe trở về Battambang. Bác Kiel, trưởng ban mục vụ giáo xứ, khẽ đánh thức tôi dậy:

- Thưa Cha, ông Lo đang hấp hối. Bà Lo muốn Cha ghé lại chút xíu ạ.

Tôi bật dậy, lau mặt, lấy vội áo alba, dây stola và sách nguyện. Tôi thầm cảm thấy vui, vì trong giờ phút hệ trọng này đôi vợ chồng Phật tử ấy lại muốn mời một linh mục Công Giáo đến nâng đỡ tinh thần.

Ông Lo 65 tuổi, không con cái. Bà Lo có được 5 người con từ đời chồng trước; tất cả đều đã có gia đình riêng, và tất cả đều quá nghèo túng nên không giúp được gì cho bố dượng và mẹ mình.

Ông bà Lo nghèo tận cùng. Túp chòi lá của hai vợ chồng chỉ rộng có 7,5 mét vuông; sàn kết bằng nẹp tre, yếu đến nỗi oằn xuống khi có người bước lên. Bạn phải khéo léo đặt chân đúng vào những chỗ có đà chống đỡ bên dưới. Mái lá thủng lỗ chỗ, nên mặt trời chiếu xuyên qua khắp nơi. Hai ông bà không có mùng ngủ, không có hòm đựng quần áo, không một tấm chiếu sạch để mời khách ngồi. Cũng chẳng có xoong nồi hay bát đĩa, ly tách gì cả. Cứ tới mỗi bữa ăn, ông bà nhận được phần ăn từ một trong những người con; và ăn xong, chén đĩa lại được giao trả.

Còn nhớ hồi tháng trước, Janty, một giảng viên giáo lý của chúng tôi, đã mời tôi đến thăm ông Lo. Khi gặp ông lần đầu, tôi hầu như không thể ngồi bên cạnh ông. Ông bốc một mùi hôi thối rất khó chịu. Khối hoại tử dưới bụng ông đã lan rộng và khoét sâu. Và đã ngót 6 tháng ông không thể ăn gì, chỉ uống một thứ nước chè mà Bà Lo nấu bằng vỏ và lá cây.

Tôi đề nghị đưa ông về Battambang, nơi chúng tôi có một Mái Ấm tiếp nhận những người bệnh. Tôi cũng dàn xếp để một số tình nguyện viên sẽ đưa ông Lo đi bệnh viện và được khám bệnh. Khi tôi gửi một tài xế đánh xe tới, không ai trong xóm chịu giúp một tay đỡ ông Lo lên xe. Anh Phannit, đặc trách giới trẻ của chúng tôi, đã phải một mình bế xốc ông già tội nghiệp. Những người hàng xóm chỉ đứng nhìn một cách hờ hững.

- Con cảm thấy rất hạnh phúc ở đây! Ông Lo thốt lên khi tôi đến ngồi bên ông tại Mái Ấm.
- Cha và bà con ở đây thật tốt với con. Các nhà sư của chúng con không bao giờ sẵn sóc con như thế này. Còn ở đây thì con được chùi rửa vết thương, lại được nuôi ăn hàng ngày nữa. Ông Lo vừa nói vừa đưa tay quệt mồ hôi rịn trên trán.

Tôi vỗ vai ông:

-Ồ không, ông đừng bao giờ nói rằng các nhà sư Phật giáo không quan tâm. Nay, đất nước đang còn trong thời gian hồi phục sau chiến tranh, và chính phủ không đủ sức để đáp ứng các nhu cầu của tất cả mọi người.

- Nhưng Cha thì khác. Thưa Cha, con muốn trở thành một người Công Giáo.

- Haha! Tôi cười vang - Không đâu. Ông là Phật tử, đạo Phật rất tốt đẹp. Ông phải là một Phật tử tốt. Nếu ông thật sự muốn trở thành một Kitô hữu, chúng ta sẽ nói chuyện về điều đó sau. Hơn nữa, nếu ông nghĩ rằng ông phải theo tôn giáo của tôi chỉ bởi vì tôi đang giúp đỡ ông, thì tôi sẽ không đồng ý. Điều duy nhất tôi muốn ông làm bây giờ là nghỉ ngơi để hồi phục. Chúng tôi sẽ đưa ông đi bệnh viện để gặp bác sĩ.

Tại bệnh viện, các bác sĩ phát hiện rằng khối hoại tử của ông Lo đã biến thành ung thư và không còn hy vọng chữa trị. Rất buồn trước kết quả chẩn đoán này, tôi giữ ông Lo ở nán

lại thêm ít ngày tại Mái Ấm. Tôi tự nhủ mình sẽ ghé thăm ông và pha trò cho ông được vui.

Rồi đến một hôm, ông Lo quyết định trở về nhà. Ông nói:

- Thưa Cha, giá mà ở đây có nước chè, con sẽ ở lại đây mãi mãi. Con rất vui được ở đây, nhưng con cần phải trở về nhà vì con nhớ món nước chè lắm.

Tuần sau đó, tôi ghé thăm ông Lo tại nhà ông.

- Thưa Cha - ông nói - Con rất sung sướng được Cha đến thăm. Cha đã quan tâm giúp đỡ con quá mức con dám mơ. Con không mong hơn gì nữa. Cha ạ.

Trước khi giã từ ông, tôi dúm vào tay bà Lo 2,5 đô la và nói:

- Bà hãy mua thêm lá để vá những chỗ thủng trên mái nhà. Tôi thấy ông ấy nhìn lên các chỗ thủng và rất ưu tư. Có lẽ ông lo mùa mưa sắp đến...

Chuyện là như thế. Giờ đây, sau khi lấy sách nguyện và đây các phép, tôi phóng nhanh đến nhà ông Lo.

- Ông ấy mất rồi! Một bà cụ thốt lên khi tôi vừa đến nơi.

Tôi bước lên sàn tre, thận trọng từng bước một. Đầu tôi đụng phải xà nhà. Bà Lo ngồi bên cạnh chồng mình, đang được đắp trong tấm chăn của bệnh viện mà chúng tôi trao cho hôm ông trở về từ Battambang. Tôi chào bà theo cung cách người Cam-pu-chia và vỗ vai bà. Bà bắt đầu bật khóc.

- Thưa Cha, ông ấy vừa mới trút hơi tức thì đây thôi. Bà nói trong đầm đìa nước mắt.

Tôi sờ trán ông Lo, vẫn còn nghe chút hơi ấm còn sót lại. Tôi quay ra nói với mọi người:

- Thưa bà con cô bác, xin cho phép tôi dâng một lời nguyện Kitô giáo để cầu cho ông Lo, bởi vì ông ấy là bạn tôi.

- Cha cứ việc làm thế, thưa Cha. Họ trả lời.

Sau khi dâng lời cầu nguyện, tôi gọi bà Lo và các bà con thân quyến đến. Tôi rảy nước thánh chúc lành cho họ. Rồi tôi thắp 3 cây nhang cắm bên thi hài người quá cố.

- Thưa Cha, chúng tôi xin ký thác cho Cha và cộng đoàn Công Giáo việc ma chay đám này. Một ông già lên tiếng, với giọng van xin.

Mới ít lâu trước đó, tôi trông thấy chính người đàn ông này là thủ lĩnh trong một vụ xô xát tôn giáo ở vùng này. Giờ đây, khuôn mặt tái nhợt của ông biểu lộ sự bất lực hoàn toàn. Tôi cảm thấy sững sốt. Tại sao những người này muốn bỏ truyền thống Khmer trong một biến cố quan trọng như vậy được nhỉ?

- Bà nghĩ sao đây bà Lo? Tôi hỏi.

- Thưa Cha, sao cũng được Cha ạ. Chúng con để Cha định liệu tất cả. Bà trả lời.

Và mọi người đều đồng thanh rằng tốt hơn nên để cho bên Công Giáo lo việc ma chay và hoả táng. Ông già khi nãy lên tiếng giải thích:

- Thưa Cha, vợ chồng ông Lo quá nghèo. Chúng tôi không có đủ khả năng để làm các nghi thức theo truyền thống chúng tôi.

Tôi nhận ra mối ưu tư của họ. Và tôi nói:

- Nếu bà con lo lắng về cổ quan tài, thì chúng tôi có mấy tấm ván ở nhà thờ có thể đóng quan tài được. Tôi sẽ yêu cầu ban bác ái xã hội của chúng tôi cho mượn xoong nồi, bát đĩa của nhà thờ. Chúng tôi sẽ cho mượn dàn âm thanh để bà con có thể chơi nhạc đám ma đúng theo truyền thống. Và tôi cũng sẽ sắp xếp để ban bác ái xã hội giúp cho đám ma này 20 kí lô gạo. Tôi yêu cầu bà con tổ chức các nghi thức đám ma và hoả táng theo truyền thống Phật giáo. Hãy mời các nhà sư đến cầu kinh cho ông Lo. Tôi mong tất cả bà con hàng xóm hãy

giúp đỡ tang gia. Đừng như bữa trước, khi chúng tôi đưa ông Lo đi Battambang, không ai trong các bạn buồn giúp một tay; mọi người khi ấy chỉ đứng xa mà nhìn!

- Chúng tôi sẽ cố gắng giúp, thưa Cha. Họ đáp.

Trong ánh mắt mọi người, tôi trông thấy sự đồng tình chấp nhận tất cả những gì tôi nói. Tôi gọi một chức sắc giáo dân của mình, trao cho chị 20.000 Riels (tương đương với 5,13 đô la) để phụ giúp về các chi phí. Chị kín đáo trao số tiền cho bà Lo.

Nhưng thật khó mà giữ bất cứ gì kín đáo trong làng này. Bà Lo chạy lại với tôi để bày tỏ lòng biết ơn. Năm những tờ giấy bạc giữa hai bàn tay ấp vào ngực, bà cầu phúc cho tôi trước đám đông:

- Cầu chúc Cha tiếp tục công việc tốt lành của Cha. Cầu Trời Phật ban cho Cha mạnh khỏe và bình an.

- Sato, sato! Tôi trả lời và mỉm cười chào bà theo cung cách Khmer.

Mọi người xì xào:

-Ồ, ông Cha cũng biết nói 'Sato, sato'!

Tôi trở về nhà thờ cùng với Phannit. Phannit nói: "Ở đây, ở làng này, Kitô hữu và Phật tử sống chung hài hoà. Chúng con làm việc với nhau và giúp đỡ nhau."

Dù rất mệt mỏi sau Tuần Thánh và Tết Khmer, tôi vẫn cảm thấy dạt dào niềm vui. Chính trong cảnh nghèo của mình, ông Lo đã cho tôi món quà Phục Sinh tuyệt đẹp.

Hậu chú: Ít lâu sau những sự việc này, xe của Cha T. đã vướng phải mìn trên một hành trình sứ vụ, và ngài đã ra đi vĩnh viễn trên mảnh đất Cam-pu-chia đầy cạm bẫy nhưng cũng đầy niềm vui dẫn thân ấy.

Lm. Giuse Lê Công Đức

VỀ MỤC LỤC

CÓ CÒN "MONG MANH" NỮA KHÔNG ?

Trước ngày kỷ niệm ba năm linh mục, tôi dành hai ngày đi tĩnh tâm. Khi bước vào bầu khí thinh lặng của một Đan Viện, việc đầu tiên tôi trình bày với Chúa cuộc đời ba năm linh mục và tôi đã xin Chúa mở đường tương lai cho tôi. Tôi hay bị giằng co giữa công việc phục vụ, không biết phải làm gì cho rõ đường lối, chứ không cứ nhập nhằng lẫn lộn quần vụn vật chẳng ra đâu, đôi lúc làm cho lòng tôi rối bời lên và tôi cần một việc giải gỡ nào đó nên tôi đã tha thiết xin Chúa cho tôi biết được ý của Chúa như thế nào. Đây là một chặng đường dừng chân, một giai đoạn cần nhận định lại, xin Chúa soi sáng để tôi đi vào việc chuyên môn, không phải lo lắng bối rối lựa chọn nữa, để tôi an tâm không còn nghĩ ngợi gì nữa và tôi nghĩ như thế là hợp lý thôi, có lẽ Chúa cũng đồng ý với tôi như vậy. Tôi im lặng lắng nghe xem Ngài nói gì, đánh động tôi điều gì... thế rồi từng bước từng bước thăm tôi đi vào "giấc mộng vàng" êm ả... Một lúc sau tỉnh dậy thấy mình "buồn cười lạ..." giấc ngủ không mời mà đến.

Thế nhưng nhờ đó mà thấy tâm thần khỏe khoắn khác thường, tinh táo sáng khoái nhẹ nhàng nhưng vẫn không thấy câu trả lời đâu, chờ một lúc lâu nữa cũng không thấy gì. Tôi ra ngoài, mang sách ra đọc, trí khôn còn đang vu vơ đâu đó thì đột nhiên cảm nhận được câu trả lời : **Hãy tin đi, hãy yêu mến hết linh hồn, hết sức, hết trí khôn đi...** đó là điều cần thiết nhất và là điều mà tôi còn yếu lắm, rồi sau đó việc làm sẽ đến. Tôi nhận ra điều Chúa khế nhắc bảo cho riêng tôi, và tôi nhận ra mình *tối dạ quá, bài học này học mãi mà không thuộc*. Tại sao tôi cứ đặt điều cho Chúa như vậy ? Không thể áp đặt, chỉ vạch đường lối để

Chúa phải theo mình, phải phân xử cho mình mà không để Ngài tự do hành động, Ngài dẫn lối. Điều tôi càng "muốn" thì Ngài lại càng đẩy tôi cho đến khi tôi nhận ra không phải là tôi muốn mà là Ngài muốn, không phải là tôi làm mà là Ngài làm, Ngài là người có sáng kiến trước và tôi không làm gì cho Ngài được hết, tôi chỉ đón nhận mọi sự nơi Ngài mà thôi. Tôi tưởng tôi ngon lành rồi chẳng mà đặt điều cho Ngài ? Điều căn bản nền tảng chân đế chưa vững chắc thì làm sao có thể chuyên ngành gì được, bởi vì làm gì rồi cũng sẽ mau chán, sẽ bỏ cuộc hoặc chỉ vinh vang cho cái tôi của mình cho mà xem. Tôi lặng thầm cảm ơn Chúa, và ba năm linh mục vẫn chưa là gì cả, cuộc sống vẫn còn "vụng dại" quá, tình yêu vẫn còn "mong manh" quá.

Quá trưa, kiến bò bụng, tìm vào một quán cơm bình dân, tương đối vắng vẻ, thấy có hai anh chị trẻ đang dùng cơm và thì thầm với nhau chuyện gì đó. Dãy bàn bên này là một cô gái đầu tóc bù sù, áo quần dơ dáy, một mắt nhắm ghiền và một mắt mở hé, tôi đoán ngay là người "ăn xin". Người bán quán hỏi tôi dùng gì ? Tôi chỉ vào đĩa cơm cô "ăn xin" đó đang sắp ăn, một cái trứng và một miếng đậu hũ chiên (trong thâm tâm tôi muốn dùng bữa cơm của người nghèo). Khi đang ăn tôi nhìn thấy cái nhìn của người bán quán phần thương hại, phần như kinh tởm cô gái "ăn xin" dơ bẩn đó. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ là tôi ăn thật nhanh sau đó ra trả tiền cho người chủ quán gấp đôi (bởi vì hai đĩa cơm giống nhau mà) và dặn người chủ quán đừng thu tiền cô gái "bất hạnh" kia. Tôi nghĩ tôi sẽ bao cô một bữa cơm, tôi sẽ đem hạnh phúc đến cho cô... và chắc là cô vui lắm, rồi cô cũng chẳng biết ai đã trả tiền giúp cô bởi vì lúc đó tôi đã "biến mất" rồi.

Thế nhưng mọi chuyện xảy ra đều trái ngược với điều tôi dự tính, mặc dù tôi ăn vội thế mà cô "ăn xin" vẫn xong trước tôi, cô trả tiền ba ngàn, một sập đầy bởi vì toàn là tiền giấy hai trăm, chắc có lẽ cô mới xin được. Ngạc nhiên, bởi vì đĩa cơm của cô mới ăn có nửa nên xong trước tôi là vậy. Tôi nghĩ cô này bỏ phí thế, nghèo mà chơi sang. Thế nhưng có phải vậy đâu. Cô kêu chủ quán cho thêm hai trăm vào đĩa cơm dờ ấy vì còn người bạn nữa, rồi cô chạy ra ngoài ; một lát sau cô dắt một chàng trai đeo kính đậm đen nghịt, anh chàng mù hoàn toàn vào ăn đĩa cơm ấy, chàng ta cúi gằm mặt ăn ào ào, có lẽ vì đói chẳng, chị ta ngồi đối diện cười nói huyền thuyên, nụ cười thật dễ thương thật hạnh phúc, vui ơi là vui ; mấy người vô quán cơm sau zòm anh chị mù này ái ngại giấu cợt nhưng chị ta chẳng quan tâm, nụ cười vẫn vui hồn nhiên, đôi môi vẫn tươi tắn lạ... (không biết là bởi cùng đồng cảnh ngộ mù lòa ăn xin, hay họ là người tình không chân dung (mù) mà thương mến nhau thế ?)

Tôi tưởng tôi đem hạnh phúc đến cho chị ta, hóa ra chị ta lại làm cho tôi thêm... và tôi được hạnh phúc lây. Tôi tưởng tôi "giàu" hơn chị ta, hóa ra chị ta lại "giàu" hơn tôi (mặc dù tôi chẳng mất tiền bao cơm). Tôi tưởng chị ta bất hạnh mà hóa ra lại là...tôi, đời tu mà không "biết" Chúa thì là kẻ bất hạnh hơn hẳn ấy chứ còn hoài nghi gì nữa.

Người giàu có và hạnh phúc nhất trần gian này là người giàu tình yêu đấy.

Ai nhận ra Tình Yêu của Chúa trong tâm hồn mình thì sẽ có một cuộc sống tuyệt vời đầy thôi, đúng không nào?

Và rồi một buổi chiều âm thầm lặng lẽ bên Chúa, kết thúc một ngày hồi tâm....

Chữa trị tâm hồn Điếc, Mù, Câm

Hồ Nai 21 - 12 - 1995

Đó là cuốn sách mà trước ngày lãnh thừa tác linh mục đã được anh em gói ghém viết tặng cho, có những tâm tình, những lời nhắn nhủ, những lời khuyên răn, những lời chia sẻ.... đủ thứ. Những thời gian đầu, khi mới lãnh tác vụ linh mục, có nhiều nguồn vui chơi, nên xếp nó vào một "xó", bụi bặm nhện giăng... Thế nhưng mọi vinh quang khi đã nguôi ngoai ; bếp hồng "nướng", than lửa "lầu" đã lịm dần, trở về cuộc sống hằng ngày có những lúc âm thầm lặng lẽ một mình mới đem ra nghiền gẫm. Ôi ! thật thối tha làm sao, cảm động thân thương như thế nào ấy ; nhận ra mình được anh em thương thực tình, ai cũng quan tâm tới mình, chẳng ai tiếc gì với mình cả, những tâm tình, chia sẻ... gửi gắm cho riêng một mình mình. Thỉnh thoảng mang ra đọc, lại thấy ngày ấy như mới ngày này, giúp tôi lấy lại sức sống mới, năng động mới, cố gắng hơn... một kỷ niệm như bài ca không bao giờ quên..... Tôi đọc, tôi ghiền gẫm, tôi "nuốt" những tâm tình ngọt ngào của anh em gửi gắm cho ; trong

giây phút đó làm tôi say mê với giấc mộng, với những cảm giác bay bổng, những tâm tình lý tưởng tuyệt vời và với những công việc "hăng tiết vịt" sẽ được mở ra. Và ngay lúc đó tôi nhớ lại những ngày tháng qua : Nào là tôi có ước vọng từ lâu sẽ qui tụ những người nghèo, những người ăn mày ăn xin, những người khổ rách áo ôm... thành một "cái bang" để tạo công ăn việc làm cho họ, giúp họ sống hạnh phúc, mái ấm gia đình tập thể, chia vui sẻ buồn với nhau của những ngày lang thang đầu hè xó chợ... nhưng rồi mộng chẳng thành vì nhiều chuyện phức tạp quá, và lại với những người tha phương cầu thực không phải là những người dễ thương, dễ mến, họ quen kiếp giang hồ, lang bạt gió sương, nằm gai nếm mật đã chai... Dù sao chẳng nữa lý do cuối cùng và quan trọng đó vẫn là tôi không có sức mạnh của thánh nhân.

Thế nhưng đầu óc tôi, trái tim tôi chưa ngủ yên, tôi lại định lập một nhà tình thương cho các em khuyết tật, điếc mù, chậm phát triển, sẽ cử người đi học... thế rồi cũng thấy khựng lại, quanh quẩn, và cứ loay hoay mãi. Cuối cùng thì mộng cũng tan thành mây khói.

Sau những "mộng mè" tan tành xí goách một người giáo dân đến gặp tôi, tiện dịp tôi nói với họ về những ước muốn của mình và họ đã phản ứng mãnh liệt mà rằng là xin ngài hãy chữa trị những tâm hồn điếc mù câm đi, những niềm tin "chậm phát triển", ngài đừng mơ với mộng, hãy mở banh mắt ra mà nhìn, ngài có thấy không, hồi linh mục ? Điếc câm mù, chậm phát triển tâm hồn những hạng giáo dân như chúng tôi còn cần thiết và quan trọng hơn nhiều, gấp bội phần đấy, thưa ngài linh mục. Xã hội, đoàn thể ngày nay họ ồn ào làm những việc tử thiện vật chất đó rồi, nhất là lại được hưởng một số lợi lộc đáng kể, thì chẳng ai cho mình xía vào đâu.

Ngài có thấy sự nghèo đói của con người thể giới vật chất hôm nay không ? Chẳng có sự nghèo đói cùng kiệt nào cho bằng nghèo đói tình yêu, tình yêu với Chúa, tình yêu con người. Ngài hãy nói cho mọi người Tình Yêu, cho mọi người Tin Mừng là Thiên Chúa, một ông Bồ yêu thương người nghèo và cả người giàu nữa, người vui lẫn người buồn, người tội lỗi lẫn người được gọi là "đạo đức"... Người nghèo thiếu tình yêu nên hay làm càn, phản kháng chống đối ; người giàu có về vật chất lại quá nghèo tình yêu nên mới có tình trạng người nghèo, nhà nghèo, nước nghèo... Người vui thiếu tình yêu nên chỉ là những trò vui hời hợt bên ngoài đang khi muốn che đậy, trốn chạy chính mình bằng những tiền bạc, bằng những cuộc ăn chơi xả láng bừa bãi ; người buồn vì để cho nổi thất vọng cuộc sống đẽ bẽ, vai gánh nặng đau thương chông chất, cuộc sống hụt hẫng, bất lực...

Từ đây tôi nghĩ về đời mình bởi vì có thể là tôi cũng đang điếc mù câm, què quặt, chậm phát triển về niềm tin, về tình yêu chẳng ? Sao không chữa chạy cho cho người khác được, sao tôi không thấm nhuần, nghiệm ra được câu "Chân Lý sẽ giải thoát anh em"? Sao tôi không có được một niềm tin, một tình yêu tương quan đến quên mình, mà có khi chỉ là những tính toán vụ lợi ích kỷ cá nhân hay những suy đoán đường hướng hẹp hòi của cái tôi mà không phải phát xuất từ Tình Yêu ?

Thu thập những mớ kiến thức, "dùi mài" sách vở, hình như làm cho tôi bị xa cách cuộc đời, xa cách con người làm sao ý? Tôi không còn "cúi" xuống được để làm bạn với những người tội lỗi, những người bần cùng, những tâm hồn tật nguyên bệnh tật. Đôi lúc tôi cũng xót vó lên, "chứa chấy" bằng cách cung cấp tiền bạc thuốc men quần áo đồ dùng cho những con người thân xác tật nguyên để được yên lương tâm. Còn những con người tật nguyên tâm hồn thì tôi lại không màng tới, họ đông lắm, đủ mọi cấp bậc, chức vụ, đủ mọi thành phần... họ nhan nhản ngay bên cạnh, ngay chung quanh đây chỗ nào cũng có. Tiền bạc thuốc men những người này họ không cần những thứ đó nhưng họ cần nhận ra ơn Cứu Độ, nhận ra Tình Yêu.

Những lời nói bài giảng lý thuyết rỗng tuếch không đi vào cuộc sống cụ thể, không tác động đến thẳm sâu tâm hồn người nghe thì cuộc sống của họ chẳng có gì thay đổi, chẳng có gì để chữa lành. Qua thái độ cử chỉ lời nói của người làm chứng người ta nhận ra được ngay thật đến đâu, bằng tấm lòng hay bằng mớ kiến thức, bằng sự yêu thương âu yếm cảm thông hay chỉ là những lời răn đe áp đặt....

Một cuộc sống cộng đoàn cũng có thể làm chậm chân chùn bước ; một tổ chức cơ cấu và những công việc lặt vặt tỉ mỉ hằng ngày trong một tu viện cũng đủ để mệt phờ hết ngày và chẳng còn tâm trí đâu mà học hành cầu nguyện và tiếp xúc gặp gỡ những người bạn điếc mù câm què, chậm phát triển tâm hồn. Vậy thì còn đâu hình ảnh Thánh Đa Minh hân hoan vui

tươi hát xuống nghèo nàn tung tăng ra đi thuở ban đầu nữa ?

Một cộng đoàn có những vị hay sốt ruột vì anh em vắng mặt, vẫn muốn anh em luôn phải ở nhà để nhà cửa khỏi trống rỗng, các giờ kinh lần hạt phải râm ran, giờ cơm đông đủ ì sèo.... Vậy thì còn đâu là sứ vụ người Đa Minh ?

Thánh Đa Minh không sai đi để chữa bệnh nhân, không sai đi tranh đấu bất công xã hội... nhưng Ngài sai đi bằng bó chữa trị tâm hồn, những tội nguyên sai lạc, những tội lỗi u mê không nhận ra được lòng thương xót của Chúa nên lời cầu nguyện ban đêm của Ngài với Chúa là "Lạy Chúa hằng xót thương, các người có tội sẽ ra như thế nào ?

Nhân khi rảnh rang hướng về ngày kỷ niệm lãnh thừa tác linh mục 21/12. Ít tâm tình "vớ được" trong cuốn Hành Trình Chân Lý. Cuốn sách này không phải là một mà là nhiều thời để nhớ để thương nó, bởi vì một thời quà cáp tiền bạc... tiêu tán tan tành sạch bách hết từ lâu rồi. Cuốn sách gửi gắm cho những tân linh mục và nó sẽ còn mới mãi. Khi nào tôi còn trung thành trong chức vụ thì nó còn là món quà đắt giá đấy !

Tôi yêu một Đức Kitô đang sống:

Linh mục, chứng nhân của Chúa

Chúng tôi không phải là những nhân viên bảo vệ có bảng hiệu đeo trước ngực đúng quy cách để lo gìn giữ những di tích của một vĩ nhân đã khuất. Và rồi mỗi ngày chúng tôi tiếp đón những du khách đến tham quan. Chúng tôi sẽ hãnh diện và thú vị khi thấy những kinh ngạc ngỡ ngàng với đôi mắt xoe tròn bởi tính hiếu kỳ, đầu óc tò mò của những du khách về cách sinh hoạt và những đồ vật sang trọng quý hiếm của bậc vĩ nhân đã để lại, nay được lau chùi bóng láng và được giữ gìn canh chừng tối đa

Chúng tôi không phải là những người đi viếng mộ của thiên tài tôn giáo với năm xương hài cốt đã thành tro bụi đặt trong tiểu mạ vàng. Tới đó để đọc vài câu kinh, xướng lên mấy bài hát hoặc nhớ lại mấy lời của nhân vật vĩ đại đó đã nói và nếu cần thì nhỏ vào giọt nước mắt để tỏ ra tiếc thương. Những nghi thức, lễ lạc càng rầm rộ đình đám càng gây phấn khích lòng người vì tìm thấy ở đó an ủi phần nào những lúc cơ cực đời thường, hoặc được thỏa mãn chút ít gì đó phần thiếu thốn bên trong.

Chúng tôi không phải là những người thành lập hiệp hội hoặc các câu lạc bộ để quản lý và để tiếp tục công việc của người đã khuất. Nhờ những phiên họp khoáng đại, thành lập một văn phòng, ra một tờ nội san, ký những hợp đồng... rồi muốn phát triển hùn nhau đầu tư góp vốn. Những thành viên là những con người rơm rớm nước mắt và luôn tỏ ra thốn thức xao xuyến mỗi lần gặp nhau.

Chúng tôi không phải là những đứa trẻ mồ côi trong tôn giáo. Một đứa trẻ cô độc lang thang bơ vơ, không tình thương, không nơi nương tựa... Lạc loài đầu làng cuối phố ăn xin tình người, tấm thân bầm dập đối chọi với những sóng gió bụi mù cát bay và chỉ được nghe nói mịt mờ về cuội nguồn đời mình. Được sinh ra trong nền tôn giáo non nớt, hoặc bị hướng dẫn sai lệch, hoặc chỉ là giữ thói quen máy móc tẻ nhạt.

Chúng tôi không phải là những kẻ goá bụa của cái xác đã được ngâm trong bể phoóc-môn, đã làm đông cứng lại vì được ướp trong thùng lạnh để giữ mãi hình ảnh đáng kính, sau những lần kết ước. Và sau những lần hôn ước ấy, vẫn cứ sống một thân một mình, lẻ loi như kẻ phạm hãm duyên ôi. Cô thế cô thân bần gắt cáu kỉnh, lẩm cẩm lẩm điều ; luôn phải đối phó một mình với những sóng gió, thử thách, truân chuyên tủi phận.

Chúng tôi không phải là những hoàng tử, những công chúa sống hưởng thụ trong những lâu đài nguy nga tráng lệ được trần gian ưu đãi mọi mặt. Ngày ngày ung dung yên ổn trong những giờ giấc kỷ luật cơ cấu nhất định chẳng có gì phiền toái cũng chẳng có chuyện gì phải bận tâm. Lạc vào mê hồn trận không ngõ ra.

Chúng tôi không phải là những người đi chào hàng, nhân viên tiếp thị, quảng cáo thuộc lòng một món hàng với giá hời. Chúng tôi không muốn dùng đến những sóng truyền hình, phát thanh để làm ăn kinh doanh thương mại về một món đồ cổ với giá cả đã được xếp đặt.

Chúng tôi không muốn dùng đến máy vi tính để thành cái máy loan báo cung cấp cho người ta những sứ điệp mà chúng tôi không cần mở miệng nói năng, rồi sau đó tính toán lời lỗ.

*o*o*o*o*

Nếu Thiên Chúa ở xa tít mù khơi, Người an tọa trên một khoảng không của bầu trời bao la mênh mông không ngõ vô, không cửa mở... thì cho dù Người có được gọi là Đấng Giàu Lòng Từ Bi Xót Thương, thì Người cũng chẳng ăn nhập gì tới đời con người, con người chả cần Người. Nhưng, Người chẳng bao giờ như thế cả vì Người đã "ướt đầm"... mồ hôi và máu nơi Vườn Cây Dầu cơ mà. Người đã quỳ gối xuống rửa chân cho con người cơ mà. Và hôm nay chúng tôi vẫn không cạn tiếng Halêluia. Chúng tôi vẫn có một Đức Kitô Giêsu hết sức sống động, một Đức Kitô có thể ăn được và có thể hấp thụ được, một Đức Kitô đi vào trong máu, nếu được phép nói như vậy, nhờ Thánh Thần.

Tôi yêu một Đức Kitô đang sống, Người trong tôi hơn tôi trong tôi, Người yêu tôi hơn tôi yêu tôi, Người còn sống động hơn khi Người sống tại Galilê. Tôi biết rằng trái tim của Ngài vẫn còn đập mãi và tôi nghe được Trái Tim của Đấng đã Phục sinh vẫn đang đập, Trái Tim ấy chẳng hề khô queo đi trong cái hòm thánh tích. Tôi tin rằng Người tự hiến mình cho tôi trong Bí Tích Thánh Thể, không một chút nghi nan nên mỗi khi tôi cầm "Tấm Bánh" giơ lên cho mọi người trông thấy, tôi nói với mọi người : Đây là Chúa Giêsu. Và mọi người đồng thanh xác nhận : Đúng như vậy. Tôi kết hợp với Người : thân xác với Thân Xác. Khi đó Người trở thành "Đấng ở trong tôi, còn là chính tôi hơn tôi", "không còn phải tôi sống, mà là Đức Kitô sống trong tôi" (Gl 2,20)

Chúng tôi là Hiền Thê không hề phiền muộn của Người. Chúng tôi không hề cô độc lẻ đơn trên trần đời này. Người đồng hành với chúng tôi, chia vui sẻ buồn với chúng tôi, gánh vác đỡ đỡ chúng tôi, đồng lao cộng khổ với chúng tôi. Chúng tôi hạnh phúc ấm cúng sung sướng muốn điên lên vì có Người luôn gần kề.

Trong thinh lặng Người vẫn rí rón thì thầm lời lẽ yêu thương ngọt ngào trong tâm hồn chúng tôi. Người nói với chúng tôi là Người thương yêu âu yếm chúng tôi. Người vẫn chỉ dẫn cho chúng tôi đường đi nước bước trên những nẻo đường gập ghềnh sỏi đá chông gai, đôi lúc mịt mù tăm tối.

Ý của Người bao giờ cũng tốt đẹp hơn ý chúng tôi mặc dù hiện tại có thể có những ngáng trở khó khăn. Trong khó khăn thử thách thì Người vẫn là Đấng luôn hấp dẫn chúng tôi nên chúng tôi dám can đảm đối diện với những khó khăn thử thách và mau chóng vượt qua.

Chúng tôi không làm gì cả không phải chúng tôi ngồi ỳ ra đó mà chờ đợi, cũng không phải chúng tôi ươn lười khờ khĩnh mà là chúng tôi "nên một" trong Người nên việc gì cũng chỉ thấy Người làm mà thôi.

Chúng tôi là những người bằng xương bằng thịt, tay không, nhưng vẫn cảm thấy náo nức muốn đến với người khác để chia sẻ một Tình Yêu, Tình Yêu cho không biểu không. Tình Yêu mà chúng tôi đang sống với những kinh nghiệm của chúng tôi.

Nhân dịp kỷ niệm ngày lãnh tác vụ linh mục :

Thế ! như thế đấy chứ còn như thế nào ?

Phạm Quang *Hố Nai 21.12.1994*

VỀ MỤC LỤC

TUỔI THỌ

Mừng thọ là một nét đẹp của truyền thống văn hoá Việt Nam. Một số giáo xứ ở miền Nam (tôi không biết rõ ở miền Bắc) có tục mừng thọ cho các cụ ông cụ bà trong giáo xứ trên

bảy mươi tuổi trong thánh lễ sáng ngày mừng 2 Tết nguyên đán, với một lời cầu nguyện riêng (tuỳ nghi), những lời chúc tụng và tri ân, có thể kèm theo một món quà nhỏ tượng trưng dâng các cụ, và tất nhiên cha xứ không quên nhắc nhở con cháu phải hiếu thảo tôn kính đối với ông bà cha mẹ. Trong xã hội, nơi một vài cơ quan hoặc trường học, đôi khi người ta cũng tổ chức mừng thọ cho một thành viên hoặc thầy cô lớn tuổi nào đó vì công lao đóng góp đặc biệt của người ấy cho tập thể. Nhưng lễ mừng thọ thông thường là do con cháu trong gia đình tổ chức để thể hiện đạo hiếu đối với bậc sinh thành.

Theo một cách sắp xếp tuổi thọ trong văn hoá Việt Nam thì 60 tuổi là hạ thọ, 70 tuổi là trung thọ, 80 là thượng thọ, 100 là đại thọ. Nhưng người ta cũng thường coi tuổi bảy mươi đã là tuổi thượng thọ rồi. Sống thọ là một ơn Trời và là một phúc lớn, - phúc lớn ấy trước nhất là của chính người cao tuổi nhưng đồng thời cũng là cho con cháu, bởi vì cha mẹ có sống lâu, con cháu mới được phụng dưỡng và thể hiện lòng hiếu thảo. Dù không phải là một điều bắt buộc nhưng mừng thọ là một tập tục thật đáng quý chuộng trong thời buổi toàn cầu hoá, thực dụng và duy vật chất ngày nay!

Bất cứ truyền thống văn hoá nào cũng dành cho người cao tuổi một lòng tôn kính trọng vọng đặc biệt. *Kính lão đắc thọ*. Theo quan niệm chung, người cao tuổi là người từng trải, kinh nghiệm và khôn ngoan. Vì thế tiếng nói của họ thường có uy tín trong gia đình, giữa làng nước. Ngày nay là thời của những tiến bộ và thay đổi chóng mặt, nhưng đó là nói về kỹ thuật, về công việc, về vật chất, còn về sự khôn ngoan, về cách sống và cách cư xử ở đời ... thì xem ra càng ngày càng thoái lui hơn là tiến lên. Vì thế, có lẽ gia đình xã hội vẫn cần, càng cần hơn sự hiện diện và sự khôn ngoan của bậc lão thành từng trải. Tôi thấy, ngay trong đời tu, trong một cộng đoàn gồm toàn là những anh em trẻ, khoảng từ 30 đến 40 tuổi, thì có khi chính những anh em ấy xin bề trên gởi thêm cho họ một hai người lớn tuổi, không phải để làm việc này việc kia cho bằng để hiện diện, góp ý và góp phần làm cho đời sống chung được nề nếp, ổn định và quân bình hơn. Tục ngữ nói: *hơn một ngày hay một việc*. Người cao tuổi cũng là một gạch nối giữa quá khứ và tương lai, liên kết hiện tại với truyền thống. Trong xã hội ta, hãy nghĩ xem, trong lúc cha mẹ lo xuôi ngược làm ăn, nếu không có người ông, nhất là người bà luôn ở gần các cháu nhỏ, chăm sóc chúng, cho chúng ăn, ru chúng ngủ, thỏ thẻ chuyện trò, chỉ vẽ cho chúng điều hay lẽ phải, (người công giáo còn dạy đạo, dạy kinh nữa) ... thì việc giáo dục các cháu vào đoàn đầu đời sẽ thiếu sót biết bao! Vú nuôi hay nhà trẻ cũng khó bù đắp được.

Những điều tốt lành như trên hoàn toàn không xa lạ với Đạo Chúa, lại còn được nâng lên cao hơn. Kinh Thánh rất trân trọng người già. Dù cuộc đời con người không thiếu đau khổ và luôn bị cái chết đe dọa nhưng sự sống vẫn là một ân huệ Chúa ban, - một ân huệ mà chúng ta không ngừng phải cảm tạ.

"Lạy Chúa tôi, Chúa là Đấng trọn tốt trọn lành vô cùng, Chúa đã dựng nên tôi" ... Chúng ta nhìn nhận như thế trong kinh Ăn năn tội. Và trong kinh Cám ơn: *"Tôi cám ơn Đức Chúa Trời là Chúa lòng lành vô cùng, chẳng bỏ tôi chẳng để tôi không đời đời, mà lại sinh ra tôi cho tôi được làm người..."*... Chúa không bỏ ta không đời đời, nghĩa là hư vô đời đời. Nếu Chúa không dựng nên ta thì ta là hư vô, ta không bao giờ hiện hữu, không bao giờ có mặt trên cõi đời này để mà biết Chúa, hy vọng sống hạnh phúc muôn đời với Chúa, cũng như ngay bây giờ được hưởng vô vàn điều tốt lành của cuộc sống, của tình yêu, của thiên nhiên vũ trụ... Chúa cho ta sống, là do lòng Chúa yêu thương ta chứ không phải như tác giả Cung Oán Ngâm Khúc chua chát trách móc Tạo hoá: *"Trẻ tạo hoá đành hạnh phúc quá ngán, Chết đuổi người [dìm chết người] trên cạn mà chơi"*. Dìm chết người dưới nước thì đã là tàn ác rồi, đành này lại dìm nó trên cạn như một trò chơi, giống như trẻ con chơi chọc một con côn trùng, hay như con mèo vồ được con chuột rồi chưa thèm ăn liền mà còn vờn nó, dãn với nó cho đến khi nó ngắc ngoải mới chịu xơi!

Vì cuộc sống là một ân huệ của Chúa nên sống trường thọ vẫn là một điều đáng ước ao. Được sống thọ cũng như được đông con lắm cháu và giàu có sung túc là những dấu hiệu được Chúa chúc phúc (x. sách Châm Ngôn, 3,16; 10,17; 13,21-23; 16,31 và 17,6). Trong Kinh Thánh Cựu Ước, các Tổ phụ trước thời Lụt hồng thủy sống lâu "khủng khiếp", như Adam đến 130 tuổi mới sinh con là Seth (Xét), sau đó còn sống 800 năm nữa, tổng cộng 930 năm! Hay Seth sinh ra Ênóc ở tuổi 105, rồi sống thêm 807 năm nữa. Chiếm kỷ lục sống thọ là cụ Methusala sống đến 969 năm, hơn chín thế kỷ rưỡi! Các số tuổi khó tin này chắc không thể hiểu theo nghĩa đen được...

Kinh Thánh Cựu và Tân Ước đều dạy: Con cái phải tôn kính hiếu thảo với cha mẹ, nhất là khi cha mẹ già nua lú lẩn; khi làm như thế, chính con cái cũng sẽ được phúc lành trường thọ (x. sách Huấn Ca, 3,2-6,12-14; x.Ep 6,2-3).

Đề cao tuổi già, nhưng Kinh Thánh cũng không tuyệt đối hoá tuổi thọ ở đời. Nó chỉ là một điều đáng ước ao tương đối mà thôi. Điều đáng ước ao hơn nữa là cuộc sống công chính, thánh thiện, đẹp lòng Chúa để đáng được Người ban cho đời sống vĩnh cửu, vì nói cho cùng, cuộc đời này chỉ là bước tiến tới hạnh phúc thật đời đời. Vì thế, người mệnh yếu cũng như người hiểm muộn hay neo đơn và người nghèo khó hèn mọn không phải là người vô phúc. Người ta quen nói về tuổi già là: *tuổi gần đất xa trời*, người tin Chúa có thể nói ngược lại, là *gần trời xa đất*. Phúc-Lộc-Thọ đích thực của con người là ở nơi Thiên Chúa.

Bài thơ sau đây với tựa đề *Đường Đời* của thi sĩ Pháp Marie Noel, mô tả tuổi già vừa như là một sự suy giảm về mặt thể lý, tâm lý và trí tuệ vừa như một cuộc thăng tiến đi về với người Cha vĩnh cửu trên trời:

Đường đời vòng quanh như một con rắn tự ngoạm lấy đuôi.

Con người trần trụi vào đời từ lúc bắt đầu mở mắt, năm này qua năm khác học đi lên cho tới giữa cuộc đời, vào tuổi trung niên, rồi dần dần đi xuống, rồi cuộc với tấm hình hài trần trụi, trở về vị trí khởi hành.

Dần dần con người đã tăng trưởng, tầm vóc cao lên, rồi dần dần con người lưng thêm cong, gối thêm mỏi, thân hình thấp dần, cuối cùng cúi xuống cát bụi.

Dần dần con người đã phát triển ngũ quan, mở rộng tầm nhìn, tầm nghe, những quan năng khác tăng tiến hoàn chỉnh, như thể buổi sáng mở rộng các cánh cửa sổ, rồi mỗi ngày mắt thêm mở, tai thêm lắng, khép ngũ quan lại như thể đóng cửa về đêm.

Mỗi ngày một chút, kiến thức đủ loại tích lũy trong trí nhớ, đến lúc về già, nói trước quên sau, để đầu quên đấy.

Mỗi ngày một chút chân thêm vững, tay thêm khéo, miệng thêm lưu loát, tới ngày xế bóng tay chân run rẩy, vụng về, nói năng chậm chạp lúng túng.

Một ngày trước kia, rời vòng tay mẹ, chập chững biết đi, một ngày sau này không còn sức một mình xê dịch, phải vịn cánh tay con cháu.

Thuở còn nằm nôi, mẹ cho bú mớm, thay lót đổi tã, rồi sẽ tới ngày nằm liệt giường, con cháu chăm nom, lau mặt thay áo, xúc cơm đồ thuốc.

Một ngày trước kia, mở mắt chào đời, làm quen với thế giới xung quanh, rồi sẽ tới ngày nhắm mắt buông xuôi, vĩnh biệt dương thế.

Một ngày trước kia, lần đầu hô hấp, con người sinh ra, rồi sẽ tới ngày thở ra lần cuối, đi vào cõi chết.

Một ngày xa xưa, trước khi ra đời, chín tháng mười ngày nằm trong bụng mẹ ấm áp, thêm thịt, thêm xương, hình thành cơ thể. Tới ngày cuối cùng đi vào lòng đất lạnh giá, hình hài dần dần phân hóa, thịt xương trở về cát bụi.

Một ngày xa lắm, con người xuất phát từ cha như một hạt giống truyền sinh. Tới ngày chấm hết cuộc đời trần thế, con người lại trở về trong Cha của mọi người cha phàm trần, để tái sinh trên cõi trường sinh.

Tới lúc đó, trong một bản thể mới, tất cả lại bắt đầu.

Một nét đẹp của tuổi già là sự bình an thanh thản trong tâm hồn sau khi đã cố gắng sống tốt cuộc đời theo các điều kiện riêng của mình và làm xong các bổn phận mình ở đời. Một người già có đức tin cũng vậy, nhưng sự bình an thanh thản của họ còn có một nền tảng khác sâu xa hơn, đó là sự phó thác cho tình yêu và lòng thương xót của Cha trên trời, phó thác ngay cả những lỗi lầm yếu đuối của mình. Đọc thơ của thi sĩ Xuân Ly Băng, tức linh mục Lê Xuân Hoa, Tổng Đại diện giáo phận Phan Thiết, tôi thấy đó chính là tâm tình của ngài trong

bài *Lên Tám Mười* , xin đọc vài câu:

Sáng ngày con thức dậy, Bảy chín lên tám mười, Lạy Chúa trăm muôn lạy, Cảm tạ Chúa muôn đời. - Con có là gì đâu, Mà Chúa ban tuổi thọ, Con nằm dưới vực sâu, Giữa tro tàn phân thố.- Cho con sống đức mến Hôm nay và ngày mai, Bao giông đời lắm chuyện Chỉ sống phó thác thôi.- Vĩnh hằng là của Chúa Cát bụi là thân con, Con không xin gì nữa, Ý Chúa miễn vương tròn.

Hạnh phúc của tuổi già có lẽ là tiếp tục được sống bình an, thanh thản và hạnh phúc giữa đàn con cháu trong khi vẫn luôn sẵn sàng ra đi bất cứ khi nào Chúa gọi. Người công giáo chúng ta chẳng quen nói: "chết là trở về Nhà Cha" đó sao?

(03-01-2010)

Lm Nguyễn Hồng Giáo OFM

VỀ MỤC LỤC

HÃY NÂNG TÂM TRÍ LÊN CAO!

Mùa Xuân năm 1995, lúc còn ở trong trại tù Z30D ở Hàm Tân Phan Thiết, tôi có làm được một bài thơ song ngữ Việt - Anh nhan đề : " Nói với Bạn Trẻ " (A Message to Youth). Bài thơ gồm 4 đoạn. Xin được trích một đoạn như sau :

Bạn trẻ của tôi ơi!

Hãy nâng tâm trí lên cao

Để tạo cho cuộc sống thêm ý nghĩa

Hãy chịu trả đắt giá

Để có được sự cao cả nơi tâm hồn.

(Toàn văn bài thơ xin được ghi nơi phần Phụ Lục kèm theo bài viết này.)

Tôi chú ý đến chuyện "Nâng cao tâm trí" này ngay từ hồi mới có 9-10 tuổi còn ở bậc tiểu học trước năm 1945, khi được say mê đọc cuốn sách "Tâm hồn cao thượng" của nhà giáo Hà Mai Anh dịch từ bản tiếng Pháp "Grands Coeurs" của tác giả người Ý Edmond De Amicis. Sau này lên bậc trung học ở Hanoi, tôi lại được coi bản tiếng Pháp "Grands Coeurs" này nữa. Cuốn sách gồm những chuyện rất cảm động và hấp dẫn xung quanh một thiếu niên cũng cùng một lứa tuổi như chúng tôi, biểu lộ một lối sống cao thượng thanh nhã, một quan niệm lành mạnh về cuộc đời của một học sinh con nhà có nền nếp gia giáo, mà lại được thầy giáo ở nhà trường chỉ bảo hướng dẫn rất tận tình về đức dục, về công dân giáo dục. Lời giáo huấn hàm chứa trong cuốn sách này cũng phù hợp với lời cha mẹ tôi thường nhắc nhủ trong gia đình, nhất là vì ông nội tôi lại là một ông đồ nho, nên anh chị em chúng tôi luôn được khuyên bảo là phải noi gương các bậc thánh hiền trượng phu quân tử, phải ra sức mà "rèn tâm luyện chí", chứ không được buông thả bừa bãi như kẻ tiểu nhân hạ cấp.

Và nhất là khi đọc kinh dâng thánh lễ ở nhà thờ, thì chúng tôi luôn đọc câu : "Hãy nâng tâm hồn lên", mà thời đó người giáo dân còn hay đọc bằng tiếng La tinh : "Sursum corda". Mấy bà cụ già như mẹ tôi thường không biết đọc, không biết viết chữ quốc ngữ, nhưng các bà vẫn luôn đọc lớn tiếng câu kinh bằng tiếng Việt như sau : "Xin hãy nâng lòng chúng ta lên những sự cao cả ở trên trời". Lớn lên, biết suy xét nhiều hơn, tôi thấy cái lối dịch câu kinh như vậy là tuyệt diệu, vì nó làm cho người bình dân vẫn có thể hiểu và cảm thông được ý nghĩa sâu xa của lời kinh trong đạo như thế. Sau năm 1975, tôi có kể cho nhà báo Nguyễn Ngọc Lương, bút hiệu Nguyễn Nguyên về câu kinh này, mà ngày trước các bà già lớp tuổi bà mẹ tôi vẫn thường đọc hồi ở nhà quê, thì anh Lương tuy là một cán bộ cộng sản, anh cũng cho là lối dịch như thế của các cổ đạo xưa là quá hay, rất gần gũi với nhu cầu cảm thụ tôn giáo của số đông quần chúng bình dân.

Sau này, tôi được đọc những bài viết của triết gia người Anh là Bertrand Russell, và tôi rất tâm đắc với lời khuyên nhủ của ông trong câu văn thật súc tích như sau : " You should have the Right Thinking and the Nice Feeling". Và tôi cũng đã mượn ý tưởng này của tác giả để đưa vào đoạn đầu của bài thơ "Nói với Bạn Trẻ", như đã ghi ở trên đây.

Vào hồi năm 1965-66 lúc đã tới tuổi trưởng thành chừng chạc và dần thân hoạt động hăng say trong công tác xã hội tại chương trình phát triển quận 8 Saigon, tôi lại rất tâm đắc với lời kêu gọi của Tổng thống De Gaulle nói với thanh niên sinh viên nước Pháp là : " Các bạn phải có một tầm nhìn vũ trụ " (vision cosmique). Tức là phải có một nhãn quan mở rộng, một cái nhìn toàn cuộc, bao quát toàn thể thế giới. Lời kêu gọi này rõ rệt là biểu lộ trung thực cái niềm xác tín của ông về sự cao cả của nước Pháp (grandeur de la France) mà suốt cuộc đời ông luôn ôm ấp và rắp tâm góp phần vun đắp xây dựng. Cái ý niệm về sứ mệnh cao cả này, Tướng de Gaulle đã ghi thật rõ nét ngay trong chương đầu của cuốn Hồi ký nổi danh của ông về cuộc chiến tranh giải phóng nước Pháp do ông lãnh đạo hồi thế chiến thứ hai 1939-45.

Rồi vào năm 1970, khi tôi được mời tham dự một hội nghị quốc tế tại Paris nhằm thành lập "Viện Đại kết Phát triển các Dân tộc" (INODEP = Institut Oecuménique au service du Développement Des Peuples), thì cũng được nghe một thuyết trình viên nhấn mạnh đến tính chất toàn diện và bao quát của công cuộc giải phóng mà bất cứ sự phát triển đích thực nào cũng phải nhắm tới (libération totalisante et globalisante). Lời phát biểu này làm cho tôi nhớ lại chủ trương của nhóm "Kinh tế và Nhân bản" (Économie et Humanisme) mà tôi đã say mê tìm hiểu hồi còn là một sinh viên trường Luật Saigon hồi giữa thập niên 1950. Đó là chủ trương "Phát triển toàn diện và điều hoà" (Développement total et harmonisé). Chính cái đường hướng phát triển này đã thúc đẩy tôi tự nguyện cùng với các bạn trẻ khác dần thân tham gia vào công cuộc phát triển cộng đồng tại các quận 6,7 và 8 Saigon từ năm 1965 đến 1971. Nhờ chính bản thân mình đã có hoạt động cụ thể tại địa phương như vậy, nên tôi dễ tiếp thu được kinh nghiệm của các thức giả quốc tế như đã được phát biểu trong cuộc họp mặt trao đổi kéo dài cả hai tuần lễ như đã nói trên ở Paris.

Vào năm 1972 -74, khi nhận cộng tác với Hội Đồng Tôn giáo Thế giới (WCC =World Council of Churches) có trụ sở chính ở Geneva Thụy sĩ, tôi lại được dịp học hỏi và biết được nhiều việc có tầm ảnh hưởng toàn cầu do những hoạt động của trên 350 tổ chức tôn giáo tại nhiều quốc gia trên thế giới mà là thành viên trong hệ thống của Hội Đồng này. WCC được thành lập từ năm 1948 nhằm kết hợp các nhà thờ thuộc nhiều giáo phái Tin lành và Chính thống tại nhiều quốc gia, kể cả trong khối cộng sản, nhằm tiến tới một số hành động chung có tầm vóc toàn cầu mà vẫn trung thành với đường hướng của Tin Mừng đã được khai sáng bởi Chúa Giêsu Cứu thế. Hệ thống này hoàn toàn nằm ngoài Giáo hội công giáo La mã do Tòa thánh Vatican lãnh đạo, nhưng giữa hai phía không hề có sự phân chia hay đối kháng mâu thuẫn gì với nhau. Ngược lại hai bên vẫn có sự giao hảo, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau trong một số lãnh vực cụ thể. Sinh hoạt của WCC rất phong phú đa dạng và có tầm vóc toàn cầu. Đó là sự tiếp nối công trình của nhiều thế hệ các nhà hoạt động tôn giáo, các vị thừa sai của Thiên chúa giáo. Người viết xin trình bày chi tiết hơn về hoạt động của WCC trong một dịp khác. Trong bài này, tôi chỉ có ý trình bày về khía cạnh suy nghĩ và hành động có phạm vi toàn cầu của các tổ chức, mà bản thân mình có duyên được quen biết và tham gia cộng tác với họ mà thôi.

Viết đến đây, tôi lại nhớ đến lời phát biểu của nhà bác học chuyên về khảo cổ, đó là linh mục thuộc Dòng Tên rất nổi danh Teilhard de Chardin. Ông nói : "Tất cả cái gì hướng thượng, thì đều gặp gỡ đồng quy với nhau" (nguyên văn tiếng Pháp : Tout ce qui monte, converge). Cũng giống như người Pháp thường hay nói : "Những đầu óc lớn thì hay gặp gỡ nhau" (Les grands esprits se rencontrent). Điều này chẳng khác gì với thái độ của cha ông chúng ta trong truyền thống nho giáo ở Á Đông, thì luôn đề cao và cổ vũ cái tinh thần hoà ái và bao dung của người trượng phu quân tử, mà điển hình là những lời khuyên đã biến thành những câu tục ngữ rất phổ biến trong dân gian như : "Quân tử hoà nhi bất đồng", "Dĩ hoà vi quý", "Lượng cả bao dung" v.v...

Như đã ghi từ mấy dòng đầu của bài viết này, tác giả là người đã ở vào cái tuổi "thất thập cổ lai hy" rồi, nên muốn giải bày tâm sự với lớp người trẻ thuộc thế hệ con cháu của mình, qua những kinh nghiệm bản thân đã tích lũy được trong suốt mấy chục năm sinh sống, học tập và hoạt động của bản thân trên mảnh đất quê hương, cũng như tại nước ngoài. Do

vậy mà lời phát biểu có tính cách thân mật tự nhiên, chứ không có dụng ý phải trau chuốt, giũa gọt như một bài văn bình thường. Trong bầu không khí thân thương nồng ấm của gia đình như thế, người viết xin gửi đến các bạn trẻ cái tâm tình chân chất ngay thẳng của mình với niềm mong ước là các bạn sẽ văn minh hơn, nhân ái hơn, hoà nhã hơn so với thế hệ cha bác của mình. Vì lẽ nếu các bạn mà có được sự tiến bộ khởi sắc như thế, thì quê hương dân tộc chúng ta mới thật sự tươi đẹp và hạnh phúc, đúng như cha ông chúng ta vẫn thường nhắc nhở : “Con hơn cha, nhà có phúc” vậy./

California, đầu năm 2010

Đoàn Thanh Liêm

Phụ lục

Bài thơ : Nói với Bạn trẻ

1 - Bạn trẻ của tôi ơi

Hãy suy nghĩ chính xác

Để khám phá được

Những điều kỳ diệu

Trong Thiên nhiên

Và Xã hội loài người

Hãy có lòng nhân hậu

Để yêu thương tất cả mọi người

Kể cả thù địch.

2 – Bạn trẻ của tôi ơi

Hãy nâng tâm trí lên cao

Để tạo cho cuộc sống thêm ý nghĩa

Hãy chịu trả đắt giá

Để có được sự cao cả nơi tâm hồn

3 – Bạn trẻ của tôi ơi

Hãy chia sẻ những phúc lộc

Cùng với tất anh chị em mình

Hãy đích thực là mình

Với phong cách tốt đẹp xưa nay

Giữa lòng cái thế giới hỗn độn này.

4 – Bạn trẻ của tôi ơi

Hãy có hành động thích đáng
Trong giờ phút đầy thử thách
Của Lịch sử vinh quang chúng ta
Hãy sống thật sung mãn
Bằng Yêu thương trọn vẹn
Và thụ hưởng sự An bình ngày ngất
Trong sâu thẳm nội tâm chúng ta./

(Làm tại Hàm Tân, Mùa Xuân 1995)

Luật sư Đoàn Thanh Liêm

VỀ MỤC LỤC

THUYỀN ĐỜI TÔNG ĐỒ

Người tông đồ của Chúa dù ở bất cứ thời đại nào cũng phải đối diện với những khó khăn nhất định tùy thuộc vào từng bối cảnh lịch sử đặt ra. Điểm chung trong những khó khăn ấy chính là thử thách về niềm tin của người tông đồ trước lời mời gọi làm chứng cho tình yêu thập giá.

1. Từ kinh nghiệm của Phêrô

Phêrô là một trong những người đầu tiên đã mau mắn đáp trả lời kêu gọi làm tông đồ của Chúa Giêsu. Ngài đã sống kinh nghiệm đáp trả cách mãnh liệt và sinh động nhất.

Như bao con người bình thường khác, Phêrô cũng từng trải qua những thất bại cay đắng của cuộc sống. Việc ngài cùng những đồng nghiệp *"đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì cả"*, đó chỉ là một trong muôn vàn những éo le thường ngày. Tuy nhiên, vấn đề được hé mở từ đây, là niềm tin tuyệt đối của Phêrô khi được Đức Giêsu mời gọi.

Sự vâng phục là điểm nổi bật trong niềm tin của Phêrô. Trải nghiệm của một ngư phủ chuyên nghề lẽ ra đã khiến ngài phớt lờ lời chỉ dẫn của Chúa Giêsu. Nhưng không, Phêrô đã mau mắn nghe theo, mà không biện lý hay chống đối: *"Thưa Thầy, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì cả. Nhưng vâng lời Thầy, tôi sẽ thả lưới"* (Lc 5, 5). Dấu lạ *"hai thuyền đầy cá"* là kết quả của niềm tin vâng phục của Phêrô vào lời Chúa Giêsu. Ý nghĩa biểu tượng này được làm tiền đề cho việc phát triển giá trị tâm linh về niềm tin của người tông đồ Chúa trong sứ vụ.

Niềm tin nơi Phêrô không dừng lại ở một vài lợi ích vật chất cá nhân. Mà sâu xa, nó là dấu chỉ thúc đẩy ngài nhận ra thể giá của chính Đấng có khả năng cải hoá những quy luật tự nhiên. *"Sự kinh ngạc"* của Phêrô và các đồng nghiệp trước mẻ cá lạ cho thấy chiều sâu hoá nội tâm, giúp họ vượt qua ngưỡng cảm thức tự nhiên để vươn tới đích điểm của lời mời gọi tông đồ.

Khi được chứng thực mẻ cá lạ lùng, Phêrô đã kịp thời nhận ra bàn tay quyền năng, đầy yêu thương của Thiên Chúa nơi Đức Giêsu đang tác động lên cuộc đời ông. Do vậy, Phêrô đã *"sấp mặt dưới chân Đức Giêsu và nói: "Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi"* (Lc 5, 8b). Thái độ khiêm tốn này đã giúp cho đức tin của Phêrô được củng cố đến mức có thể *"bỏ hết mọi sự"* để đi theo Đức Giêsu.

2. Thuyền đời tông đồ

Trên con thuyền mưu sinh đời thường, Phêrô đã nhận ra Đức Kitô và mau mắn đáp trả bằng cả cuộc sống của mình. Kinh nghiệm ơn gọi tông đồ của vị Tông Đồ Cả đã hướng chúng ta tới việc nhận diện và có thái độ cần thiết, xứng hợp trước lời mời gọi của Thiên Chúa trong cuộc sống hôm nay.

Những khó khăn trong công cuộc rao giảng Tin Mừng mà Giáo hội đang phải đối diện ở giai đoạn hiện tại quả thực đã khiến cho nhiều người cảm thấy bi quan. Họ khác nào những ngư phủ xưa trong Tin Mừng *"đã ra khỏi thuyền và đang giặt lưới"* (Lc 5, 2b). Tuy nhiên chính Thiên Chúa vẫn không ngừng đồng hành và mời gọi chúng ta, như Đức Giêsu đã từng bảo Si-mon: *"Chèo ra chỗ nước sâu mà thả lưới bắt cá"* (Lc 5, 4).

Giáo hội hôm nay với biết bao con người nhiệt tâm, không quản ngại khó khăn, đã *"vâng lời Thầy"* đến những nơi hiểm nghèo nhất để đem nhiều linh hồn về cho Chúa. Họ sẵn sàng "chèo" đến những vùng "sóng cả" do nạn kỳ thị Ki-tô giáo để dựng xây hoà hợp, công bình, yêu thương.

Giữa một xã hội chạy theo trào lưu hưởng thụ, vẫn có nhiều bạn trẻ biết đặt niềm tin mãnh liệt vào lời mời gọi của Thầy Chí Thánh. Các bạn là hiện thân của những "Si-mon Phêrô" nhỏ giữa lòng đời hôm nay.

Niềm tin vào chính Đấng là chủ tể của tự nhiên và lịch sử sẽ giúp chúng ta lạc quan hơn nhiều trong việc cộng tác thông truyền ơn cứu độ của Chúa cho đồng loại. Nó được bắt đầu từ thái độ vâng phục và khiêm tốn của chúng ta trước tình thương và quyền năng của Thiên Chúa. Hoạt động tông đồ không thể là công việc của những kẻ nhát đảm, thiếu tin tưởng vào Thiên Chúa. Và nó càng không thể tiếp nhận những đối tượng kiêu căng, tự cho mình hoàn toàn có khả năng vực dậy những yếu đuối của nhân loại này.

Thuyền đời tông đồ chỉ có thể nhẹ nhàng lướt sóng khi chúng ta *"bỏ hết mọi sự"* không cần thiết trên đó để hướng về lý tưởng là tình yêu Đức Kitô. Như những tông đồ đầu tiên đã được mời gọi, chúng ta luôn tin tưởng và sống cho mục đích cao đẹp duy nhất là lợi ích các linh hồn.

Thuyền đời tông đồ sẽ cập bến khi chúng ta được kết hợp mật thiết với Đức Kitô trong quyền năng và tình thương của Ngài. Vấn đề là chúng ta biết để cho Ngài hành động và thánh hoá những nỗ lực của chúng ta khi truyền rao Lời Hằng Sống.

J.B. Nguyễn Quốc Tuấn

(Đại Chủng viện Vinh – Thanh)

VỀ MỤC LỤC

PHẢI THỰC HÀNH ĐỨC TIN NHƯ THẾ NÀO?

Hỏi: Có rất nhiều người Công giáo ngày nay không xưng tội, không đi lễ ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc vì nhiều lý do. Nhiều người nghĩ rằng chỉ cần giữ đức tin trong lòng và đọc Kinh Thánh ở nhà là đủ, không cần phải đi nhà thờ nữa! Như vậy có được không?

Trả lời:

Thực trạng sống và hành Đạo của rất nhiều người Công giáo ở khắp nơi trên thế giới ngày nay (trong đó có người công giáo ViệtNam ở hải ngoại) quả thật là điều đáng buồn. Con số người đi xưng tội chiều thứ bảy, tham dự Thánh lễ ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc đã giảm rất nhiều theo các thống kê đáng tin cậy. Có nhiều lý do để giải thích thực trạng này. Nào vì hấp lực của văn minh vật chất đã lôi cuốn nhiều người bỏ Chúa để chạy theo những quyến rũ của **"văn hóa sự chết"** như Đức cố Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II đã cảnh giác. Đó là những người đang mê mải kiếm tiền để làm giàu bằng mọi phương tiện và tìm vui trong việc ăn uống, nhẩy nhót, cờ bạc, du hí những nơi sa đọa, và do đó bỏ

quên hay lơ là việc sống Đạo, cần thiết hơn.

Mặt khác, cũng vì tình trạng tha hóa về luân lý, đạo đức ngày một bành trướng ở nhiều quốc gia vốn tự nhận là thuộc về Kitô Giáo (Christian countries) như Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha, Canada và Hoa Kỳ nhưng nay lại dung dưỡng hay cho phép những thực hành phản Kitô Giáo như phá thai, chết êm dịu (Euthanasia) ly dị, hôn nhân đồng tính (same sex marriage) và làm ngơ hay tiếp tay cho kỹ nghệ dâm ô (pornography), phát triển làm đồi trụy không những người lớn mà đặc biệt là thanh thiếu niên vì những kỹ thuật và hình ảnh kích thích dâm dăng công khai bày bán trong các tiệm DVD for Adults và trên mạng vi tính toàn cầu.

Sau hết, vì cuộc sống tương đối dễ dàng, thoải mái cộng với tự do quá trớn ở các nước Âu Mỹ đã làm cho nhiều người không còn cảm thấy cần Chúa nữa mà chỉ muốn vui sống cho thỏa thích trong giây phút hiện tại mà thôi. Cứ đi một vòng quanh những nơi tụ họp công cộng để thấy trẻ già, trai gái, xồn xồn ôm nhau nhảy nhót trong những chương trình gọi là "văn nghệ cuối tuần" trong đó chắc chắn có những người công giáo không đi lễ ngày Chúa Nhật nhưng lại có mặt đúng giờ để tham dự các cuộc vui thâu đêm suốt sáng này! Thêm vào đó, còn có rất nhiều người không đi Lễ mừng Chúa Giáng Sinh nhưng lại tích cực tổ chức và tham dự những buổi ăn uống, dạ vũ vui chơi trong đêm Giáng Sinh !!!

Nhưng đáng buồn thay là đứng trước thực trạng này, những người có trách nhiệm giáo dục luân lý và đạo đức – kể cả hàng giáo sĩ với sứ mệnh rao giảng Tin Mừng Cứu Độ, chăm lo cho phần rỗi của các tín hữu được trao phó cho mình dạy dỗ, và hướng dẫn về mặt thiêng liêng, lại không có can đảm nhìn vào sự thật và mạnh mẽ lên án những nguy cơ đe dọa đức tin Công Giáo dẫn đến sự thờ ơ sống Đạo của nhiều tín hữu trong Giáo Hội ngày nay.

Để bào chữa cho việc không muốn tham dự các nghi thức phụng vụ của Giáo Hội – cụ thể là tham dự Thánh Lễ các ngày Chúa Nhật và Lễ buộc – nhiều người nghĩ rằng chỉ cần tin và đọc Kinh Thánh ở nhà, hay nghe những chương trình giảng Kinh Thánh của các mục sư Tin Lành trên truyền hình là đủ, không cần phải năng xưng tội hoặc tham dự Thánh Lễ hàng tuần nữa!

Chúng ta phải nghĩ thế nào về quan niệm này của những người nói trên?

Chắc chắn đây không phải là cách sống Đạo đúng nghĩa của người tín hữu Chúa Kitô trong Giáo Hội Công Giáo.

Thật vậy, trước hết là vấn đề đức tin. Thế nào là tin? Tin có Thiên Chúa tốt lành thì phải yêu mến Người. Mà yêu mến thì phải thể hiện bằng hành động cụ thể chứ không thể nói là tin mà không có việc làm nào bên ngoài để chứng minh.

Một truyện vui kể rằng, ở một giáo xứ kia, Cha Xứ chợt lưu ý đến một ông già nọ vốn thường sốt sắng tham dự không những Thánh Lễ ngày Chúa Nhật mà còn siêng năng đi lễ mỗi ngày nữa. Nhưng bỗng đi một thời gian lâu, ông cụ vắng bóng ở nhà thờ. Cha Xứ lấy làm lạ, tưởng ông cụ bị đau ốm hay đã di chuyển đi nơi khác. Cha bèn đến nhà thăm ông xem sao. Đến nơi cha vẫn thấy ông ở nhà. Hỏi lý do vì sao ông vắng mặt ít lâu nay ở nhà thờ thì ông trả lời cha như sau:

"Con thấy không cần phải đi lễ, đọc kinh chung nữa. Con ở nhà đọc kinh Thánh và nhớ đến Chúa trong lòng là đủ rồi.

Cha mỉm cười và hỏi ông: "Thế các con cháu cụ bây giờ ở đâu?"

Ông cụ đáp: "Chúng ở xa con lắm nhưng hàng năm cứ vào dịp Lễ Giáng Sinh và Tết thì đều trở về thăm con và cho quà tử tế."

Nghe xong cha xứ nói: "Tốt lắm, nhưng cụ làm ơn cho tôi xin địa chỉ hay số phân của các con cháu cụ đi. "

"Để làm gì thưa cha?" Ông cụ hỏi.

Cha trả lời ngay: "Để tôi viết thư hay phân cho các con cháu cụ bảo họ đừng tốn công và tiền bạc về thăm cụ nữa. Bảo họ chỉ cần nhớ đến cụ trong lòng là đủ rồi; không cần thiết phải về thăm cụ nữa. Nói xong cha xứ cáo từ ra về trong khi ông cụ ngồi suy nghĩ những lời của cha vừa nói. Và mấy hôm sau, người ta lại thấy ông cụ xuất hiện ở nhà thờ như cũ.

Câu truyện trên có thể chỉ là tưởng tượng, nhưng cũng giúp minh chứng phần nào điều Thánh Gia-cô-bê Tông Đồ dạy như sau về sự cần thiết phải thể hiện đức tin qua hành động cụ thể:

“Hỡi người đầu óc rỗng tuếch, bạn có muốn biết rằng đức tin không có hành động là vô dụng không? Ông Abraham tổ phụ chúng ta đã chẳng được nên công chính nhờ hành động khi ông hiến dâng con mình là I-xa-ác trên bàn thờ đó sao?

Bạn thấy đó: đức tin hợp tác với hành động của ông, và nhờ hành động mà đức tin nên hoàn hảo.” (Bc 2:20-22)

Chúa Kitô đã thiết lập Giáo Hội hữu hình của Người trên trần thế và ban các bí tích làm phương tiện hữu hiệu và cần thiết để thông ban ơn cứu độ của Chúa cho những ai muốn gia nhập Giáo Hội qua Phép Rửa Tội và có thiện chí muốn được cứu rỗi nhờ phương tiện hữu hiệu này. Nhưng không phải cứ rửa tội rồi là sẽ được cứu rỗi. Cũng không thể nói khơi khơi như anh em Tin Lành rằng “tôi tin Chúa Kitô” là xong, không cần phải làm gì nữa, Tôi đã hơn một lần nói rõ là: theo **Thần học và giáo lý của Hội Thánh, dựa trên Kinh Thánh và ơn mạc khải của Chúa Thánh Thần, thì muốn được cứu rỗi, nghĩa là được sống hạnh phúc đời đời với Thiên Chúa trên Thiên Quốc, đòi hỏi chúng ta trước hết phải cậy nhờ lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa và công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô cộng thêm phần đóng góp của cá nhân con người vào ơn thánh..**

Chính yếu tố cần đóng góp thêm của con người vào ơn cứu độ, mà người tín hữu không thể thờ ơ với nhu cầu tối quan trọng là phải sống và thực hành đức tin trong Giáo Hội sau khi được lãnh Phép Rửa.

Thật vậy, đức tin Công Giáo được ví như hạt giống gieo vào tâm hồn trẻ nhỏ hay người tân tòng khi lãnh nhận bí tích Rửa Tội. Hạt giống này không thể tự nó lớn lên và sinh hoa kết quả được, nếu không có sự vun xới, tưới bón của những người có trách nhiệm hỗ trợ về mặt thiêng liêng là cha mẹ và người đỡ đầu đối với trẻ em, và của cộng đoàn đức tin đối với người tân tòng.

Do đó, nếu cha mẹ không lo giáo dục đức tin cho con cái trong gia đình, nhất là cho con cái được tiếp cận với một cộng đoàn đức tin – cụ thể là một giáo xứ – để con em được học hỏi giáo lý và lãnh nhận các bí tích quan trọng và cần thiết như xưng tội, rước lễ lần đầu, và thêm sức thì đức tin của các em sẽ không thể lớn lên được.

Đối với người tân tòng (catechumens) và những người lớn (adults) đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy từ ngày sơ sinh, thì việc nuôi dưỡng và thực hành đức tin trong Giáo hội cũng cần thiết không kém. Cụ thể, nếu không tham dự việc cầu nguyện chung với cộng đoàn đức tin là giáo xứ, và nếu không tin – hay không nhìn nhận lợi ích của bí tích hòa giải để năng đi xưng tội, nhất là không tham dự Thánh Lễ, là **“nguồn suối và đỉnh cao của đời sống Giáo Hội”** thì người ta lấy gì để nuôi dưỡng và lớn lên trong đức tin?

Đành rằng tin có Chúa là điều quan trọng và đọc Thánh Kinh là cần thiết và bổ ích, nhưng đức tin phải được nuôi dưỡng sung mãn với ơn Chúa đặc biệt thông ban qua các bí tích quan trọng như Phép rửa, Thêm sức, Hòa giải và nhất là bí tích Thánh Thể là nguồn mạch chính nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng của Giáo Hội nói chung và của cá nhân mỗi tín hữu nói riêng. Vì thế nếu không tham dự mọi cử hành phụng vụ thánh của Giáo Hội mà đỉnh cao là Thánh Lễ Tạ Ơn thì làm sao đức tin và đời sống thiêng liêng của chúng ta được tăng trưởng và có đủ sức để sống đức tin ấy trước những thách đố của sự dữ đầy dẫy trong trần thế này, nhất là những mưu chước thâm độc của ma quỷ **“Thù địch của anh em như sư tử gầm thét rảo quanh tìm mồi cắn xé”?** (1Pr 5: 8)

Kinh nghiệm cá nhân và phổ quát chứng minh rằng muốn được thăng tiến trong bất cứ lãnh vực nào, người ta cần phải cố gắng học hỏi và trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn của lãnh vực ấy. Một lực sĩ không thể giữ được thành tích của mình nếu không chuyên cần tập luyện mỗi ngày. Chân lý này hoàn toàn đúng trong lãnh vực thiêng liêng, đạo đức. Một người siêng năng cầu nguyện nhất là tham dự Thánh Lễ và rước Mình Thánh Chúa sẽ tăng lòng yêu mến và gần Chúa hơn người làm biếng hay không cầu nguyện và rước Mình Thánh Chúa. Tình trạng **“nguội lạnh thiêng liêng”** này sẽ dẫn đến sự sa sút đức tin, đức cậy và đức mến.

Đó chính là điều Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ xưa: **“Và phàm ai đã có thì được cho thêm và sẽ dư thừa; còn ai không có thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi.”** (Mt 25:29)

Nói khác đi, chính nhờ siêng năng làm việc đạo đức và hiệp thông với Giáo Hội trong mọi cử hành phụng vụ như cầu nguyện đọc kinh chung, đi Đàng Thánh Giá, châu Thánh Thể, năng xưng tội, nhất là tham dự Thánh Lễ để được rước Mình Máu Thánh Chúa Kitô, mà đời

sống thiêng liêng của chúng ta được lớn lên, đưa chúng ta đến gần với Thiên Chúa Ba Ngôi mà chúng ta tin có thật, Người đang yêu thương và muốn **“đến và ở lại trong chúng ta”** (Ga 14:23) nếu chúng ta thực tâm yêu mến Người.

Nhưng yêu mến Chúa thì không thể coi nhẹ đời sống thiêng liêng, coi thường các phương tiện hữu hiệu và cần thiết để lãnh ơn cứu độ là các bí tích mà Chúa Kitô đã thiết lập cho Giáo Hội cử hành để mưu ích thiêng liêng cho phần rỗi của mỗi người chúng ta bao lâu còn sống trên trần gian này.

Do đó, không thể “sống Đạo” một mình mà không cần đến Giáo Hội, không tham gia đời sống bí tích và phụng vụ của Giáo Hội như thực trạng sống Đạo hiện nay của rất nhiều người..

Sau hết, liên quan đến việc đọc Kinh Thánh, có thể nói vắn tắt như sau: đọc Kinh Thánh là cần thiết và hữu ích. Tuy nhiên, không thể tự đọc mà hiểu đúng được Lời Chúa trong Kinh Thánh.

Vì thế, cần thiết phải tham dự Thánh lễ để được nghe và giải nghĩa lời Chúa qua các bài đọc, đặc biệt là bài Phúc Âm. Nhưng muốn được hiểu biết thêm về Kinh Thánh thì có thể tham dự những lớp học hỏi về Kinh Thánh do những người có khả năng chuyên môn hướng dẫn ở các giáo xứ, hoặc tốt nhất đi học một khóa về Kinh Thánh ở Đại Học hay chủng Viện. Ở Mỹ, có nhiều chủng viện thu nhận cả học viên bên ngoài vào học các lớp Thần học và Kinh Thánh dành cho chủng sinh chuẩn bị làm linh mục. Nghĩa là không thể tự học Kinh Thánh để hiểu cho đúng lời Chúa được.

Tóm lại, quan niệm sống Đạo tách rời khỏi hay không cần hiệp thông hữu hình với Giáo Hội là rất sai lầm, là tự lừa dối mình nếu không muốn nói là tự kiêu tự đại, cho mình có đủ khả năng để tìm đến với Chúa, không cần phương tiện hữu hiệu mà Chúa Kitô đã có ý ban cho chúng ta là Giáo Hội, được ví như **“con Tàu của ông Nô-e”** trong thời đại ngày nay để cho những ai muốn vào sẽ được cứu sống giữa cơn phong ba đại hồng thủy đang nổi lên để cuốn đi vào lòng đại dương mọi sinh vật bên ngoài con Tàu cứu nguy này.

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn

VỀ MỤC LỤC

CHUNG SỐNG

Người Việt chúng ta có câu: “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”. Trước năm 1975 tôi đã có dịp học và sống ở Huế 3 năm. Tôi đã từng thấy nhiều gia đình ở Xóm Đò sống trên những chiếc thuyền. Mái ấm gia đình của họ là một chiếc thuyền nho nhỏ với tất cả mọi thứ được chất chứa trong đó. Để có thịt gà ăn, họ cố gắng nuôi một vài con gà. Vì không có đủ chỗ, nên họ cho gà con vào ống tre hoặc trái bầu treo vào mái thuyền để nuôi, đầu gà thò ra ngoài để ăn uống, còn thân mình nằm bên trong. Khi lớn lên, những con gà trong ống thì dài ra theo hình thể của ống, còn những con gà trong bầu thì tròn trịa. Đó là những chuyện đặc biệt ở Huế. Có lẽ vì thế nên ta có câu: “Ở bầu thì tròn ở ống thì dài.” Nhưng câu này cũng có nghĩa là: “Xã hội nào cũng tạo nên những con người mang nhiều đặc nét của xã hội đó.” Xã hội cộng sản tạo nên những người cộng sản và xã hội tư bản tạo nên những con người tư bản. Những người cộng sản dễ dàng sống chung với những người cộng sản và những nhà tư bản dễ dàng sống với những người tư bản hơn cộng sản. Xã hội góp phần trong việc làm nên cá tính con người. Alfred Adler là người đầu tiên đã khám phá ra xã hội tính của mỗi người có ảnh hưởng rất nhiều đến sự hài hòa và hạnh phúc của cuộc đời chung sống trong đời sống hôn nhân của họ.

Đối với các nhà tâm lý, tất cả những trục trặc trong vấn đề hôn nhân đều phản ánh chính con người của họ dưới hai khía cạnh. Khía cạnh thứ nhất liên quan đến những cá nhân liên hệ và cá tính của con người họ. Khía cạnh thứ hai liên quan đến kỹ thuật và phương cách họ dùng trong việc đối xử với nhau. Có thể thấy được lý do cho những hành động của mỗi người và bản chất của những khó khăn bằng cách hiểu rõ sự phát triển của cá nhân mình, mẫu sống của cuộc đời mình, sự huấn luyện và mức độ hiểu biết của mình. Cũng vậy, vì những khó khăn mang đặc tính xã hội nên việc nhận biết những tương quan hành động cũng như

những tương quan liên hệ giữa con người với nhau rất cần thiết để giúp chúng ta hiểu thêm vấn đề. Alfred Adler là người đầu tiên đã cho thấy những trục trặc và những xung đột cá nhân có liên quan đến bản tính xã hội của họ. Trong cố gắng để tìm hiểu nguyên nhân của bệnh nhân, ông đã khám phá ra cái đạo lý của cuộc sống chung. Ông chủ trương cần phải có những luật lệ và phải được tuân giữ cho cuộc sống chung nếu người ta muốn có sự hài hòa sum hợp với nhau. Những qui luật cộng tác thật rất cần cho sự bảo tồn các liên hệ tốt đẹp của con người. Mọi thất bại và bất hạnh trong cuộc sống có thể là hậu quả của sự bất kính và bất tuân những luật lệ của sự cộng tác. Nhưng cộng tác ở đây có nghĩa là gì? Đó có phải là bốn phận bắt buộc của người bạn chúng ta đối với chúng ta không? Thật dễ cho chúng ta để nhận thấy sự vắng mặt của nó nơi những người khác và bấy giờ chúng ta nhận thức được sự quan trọng của nó. Nhưng thật khó để nhận thấy sự thiếu cộng tác ở nơi chính chúng ta. Dầu chúng ta có hiểu cộng tác là gì đi nữa, chúng ta cũng chỉ áp dụng nó vào trong mức độ giới hạn cho chính chúng ta.

CỘNG TÁC VÀ XÃ HỘI TÍNH

Bản tính con người mang tính chất xã hội và bản chất con người đến từ sự giao tiếp xã hội. Con người bị cô lập một thời gian sẽ mất tất cả phẩm chất con người. Chẳng hạn, một cô bé Campuchia 8 tuổi đi chăn trâu bị thất lạc trong rừng. Bố mẹ tưởng rằng cô bé đã bị thú dữ ăn thịt. Mọi người trong nhà đều lập bàn thờ để tưởng nhớ cô ta. Và rồi hình bóng của cô ta dần dần cũng bị xóa mờ với thời gian. Ba mươi năm sau, trong lúc mọi người không còn để ý gì đến cô bé ngày xưa xa xưa ấy nữa thì cô ta xuất hiện dưới hình thức nửa người nửa ngợm. Đầu tóc dài phết đất. Cô ta đi đứng như những con khỉ, thân mình trần trụi, từ trong rừng đi ra lấy trộm những thức ăn của người đi làm trong rừng để ăn. Và vì thế, cô ta đã bị phát giác. Người ta đã báo cho cảnh sát và cô đã bị cảnh sát bắt về. Cô hoàn toàn không biết nói. Cách sống đi đứng, ăn uống như một con vật. Cô không muốn giao tiếp với ai. Suốt ngày chỉ ngồi khóc, nhớ cánh rừng ngày xưa và chỉ còn ước muốn trở lại với cuộc sống hoang dã ngày trước. Sau đó mấy ngày thì bố mẹ đến nhìn nhận đó là đứa con gái của mình ngày xưa đã bị thất lạc trong rừng. Cô đã được bố mẹ đưa về nhà nuôi dưỡng nhưng dường như cô đang sống trong một thế giới khác. Điều đó cho thấy bản tính của con người mang đậm tính chất xã hội. Con người không thể sống một mình mà không cần đến người khác. Và sự đáp trả đối với sự tiếp xúc giữa con người có nền tảng trên cảm giác bẩm sinh về xã hội. Đây cũng là kết quả của nhiều trăm ngàn năm chung sống thành cộng đoàn, mà giờ đây chúng ta được thừa hưởng như một di sản và cần phải được phát triển cho một trật tự xã hội của nền văn hóa chúng ta.

Cảm giác xã hội có nghĩa là sự thích thú về mặt xã hội. Nó là một diễn tả của cảm giác thuộc về một cộng đoàn nào đó trong mỗi người chúng ta. Thiếu cảm giác này sẽ làm giảm đi sự cộng tác. Nhưng những đồng bạn thì rất dễ dàng xuất hiện như những người chống đối mà vì sự bảo vệ chính mình nên khiến chúng ta phải chống trả. Chính cảm giác thù hận này làm ngăn cản sự cộng tác, trái lại cảm giác xã hội lại làm gia tăng.

Cảm giác thuộc về khiến chúng ta tin tưởng nơi người khác, những người mà chúng ta đón nhận như những đồng bạn, và cũng khiến chúng ta tin tưởng vào chính mình như nguồn sức mạnh làm tăng nghị lực khiến chúng ta có thể đối diện với bất cứ sự gì có thể xảy ra. Chính sự sợ hãi cũng là một cản trở lớn đối với sự cộng tác. Con người dễ dàng phát triển cảm giác xã hội và hành động cộng tác bao lâu con người không có sự sợ hãi vì sự sợ hãi sẽ làm mất đi cái khuynh hướng hồn nhiên của họ. Ước muốn cộng tác bị bóp nghẹt bởi mặc cảm tự ti vì mặc cảm này luôn sản xuất một sức lực để bảo vệ chính mình. Rất thường, thái độ tự vệ được nghĩ là để đối phó với những nguy hiểm tưởng tượng như khi người ta cảm thấy một đe dọa đối với danh tiếng cá nhân. Cứ bình thường thì mọi người đều thích cộng tác và sẽ cảm thấy đau khổ nếu mình không thể làm được điều đó.

Vì sự sợ hãi là ngăn trở lớn lao cho sự cộng tác, vậy làm cách nào chúng ta có thể tránh nó được? Thiết lập một cảm giác an toàn là phương cách hữu hiệu nhất. Nhưng an toàn tự nó không đủ. Chính sự chết, sự đau ốm, và các tai họa luôn đe dọa và sẽ còn đe dọa mãi mãi. Chúng ta không thể thiết lập được sự an toàn vì chúng ta không thể khống chế được những đe dọa này. Tuy nhiên chúng ta có thể tin tưởng ở nơi chúng ta và nơi những người bạn láng giềng của chúng ta. Chỉ có tự tin mới có thể giúp chúng ta ứng phó với mọi nghịch cảnh xảy ra ngoài sự kiểm soát của chúng ta. Tự tin xuất hiện dưới những sợ hãi lo toan là một điều can đảm. Chính cái can đảm và tự tin đó thiết lập một nền tảng cho cảm giác an toàn, là cái đặt nền tảng trên sự nhận thức rằng bất cứ cái gì cũng có thể vươn lên, cũng có thể hữu ích

nếu người ta biết xử dụng nó cho một mục đích tốt đẹp.

HAI THÁI ĐỘ NỀN TẢNG ĐỐI VỚI SỰ CỘNG TÁC

Chúng ta thấy rõ sự khác biệt giữa hai thái độ hợp tác hay không hợp tác:

Cảm giác xã hội	Thù nghịch
Tin tưởng vào kẻ khác	Bất tín và nghi ngờ
Tự tin	Mặc cảm tự ti
Can đảm	Sợ hãi

Cảm giác xã hội có nghĩa là tin tưởng nơi người khác, điều đó không thể có được nếu chúng ta thiếu sự tự tin. Bốn đặc tính trên đây là nền tảng cho hành động cộng tác. Trái lại, những đặc tính đối ngược lại là nguyên nhân chính cho sự không cộng tác. Từ những thái độ nền tảng đó, một mẫu hạnh kiểm sẽ có mà chúng ta coi đó như là những nét chính đáng ghi nhớ, chẳng hạn như thù ghét, ganh tỵ, tham lam, khoa trương, khuếch đại là những phản ứng tự vệ được dùng bởi cá nhân để củng cố sự không muốn tham dự vào sinh hoạt xã hội. Sự hiền hòa, từ tâm, quảng đại, chịu đựng trái lại biểu lộ một khuynh hướng cộng tác.

Hai quan niệm sai lầm đến từ ý tưởng sai lầm về sự cộng tác của con người. Một là tin rằng sự giận dữ có thể dẫn đến sự thắng tiến, hoặc tin rằng đó là một điều kiện tiên quyết cho những hành động hướng đến sự thắng tiến. Người ta không ý thức về cấu trúc tâm lý của sự giận dữ để nhìn thấy điều này là: sự giận dữ chính là một cảm xúc thù hận được hướng dẫn để chống lại một cái gì không hài lòng. Nhưng chúng ta có cần những cảm giác hận thù để cung cấp những tình thế và những điều kiện không vừa ý không? Mọi người đều có khuynh hướng nghĩ như thế. Họ sai biết mấy! Những thay đổi cơ cấu không đòi hỏi sự hận thù. Trái lại, những hành động hận thù thường làm rối loạn hơn là thắng tiến vì chúng là kết quả của tưởng tượng và bất đồng. Chúng ta không phát triển những cảm giác hận thù vì lý do thắng tiến. Sự hận thù xuất hiện chỉ khi chúng ta mất đi sự tin tưởng vào sự thành công của chúng ta. Bao lâu chúng ta tin rằng chúng ta có thể thay đổi, chúng ta sẽ không còn thù ghét tình trạng bất ổn trước đây. Nhưng bao lâu sự nghi ngờ lại nổi lên trong lúc còn giải quyết vấn đề, sự thù ghét cũng lại xuất hiện. Mặc dầu một người vợ có thể không thích những thói quen của ông chồng, nhưng bao lâu còn có hy vọng rằng ông ta có thể thay đổi, bà sẽ không cảm thấy giận dữ. Sự giận dữ của bà cho thấy sự thất vọng trong bà đang lớn mạnh. Vì sự giận dữ đặt nền tảng trên sự sợ hãi và sự thiếu tin tưởng, nó làm mất đi sự giải quyết thỏa đáng. Sự thắng tiến không thể được hoàn tất mà không có sự chấp nhận.

Chấp nhận thì không giống với đồng ý. Nếu chúng ta chỉ chấp nhận khi chúng ta hoàn toàn đồng ý, rất ít cơ hội cho chúng ta chấp nhận. Không ai có đủ tư cách để chúng ta thích, nhưng điều đó không có nghĩa chúng ta không thể không chấp nhận ai hết. Chấp nhận gồm một cái gì khác hơn đồng ý. Nó diễn tả một thái độ tích cực đối với một ai hoặc một cái gì không kể khuyết điểm hoặc thiếu sót của họ. Khả năng làm việc hiệu quả của chúng ta đòi hỏi một thái độ thân thiện và thông cảm. Chỉ như vậy, bấy giờ chúng ta mới có thể ảnh hưởng người ta đến với sự cộng tác. Chỉ như vậy, chúng ta mới có thể phát triển những chương trình xây dựng để thắng những trở ngại. Người chồng sẽ vui lòng thích nghi với những ước muốn của người vợ nếu ông cảm thấy hoàn toàn được chấp nhận bởi nàng, nhưng ông có thể đi vào một hướng đối nghịch nếu ông cảm được sự giận dữ và khước từ của nàng dành cho ông.

Quan niệm sai lầm thứ hai về những nguyên tắc của sự cộng tác nằm trong niềm tin tổng quát rằng khi những quyền lợi xung đột nhau, sẽ không làm được gì ngoại trừ chống nhau hoặc nhượng bộ. Tuy nhiên, trong bất cứ trường hợp nào đi nữa thì sự cộng tác cũng sẽ bị tiêu diệt và không có gì chiến thắng. Nhượng bộ có nghĩa là bị khuất phục, là nhục nhã, và cuối cùng là nổi loạn và đối nghịch. Chống cự thường kết thúc trong sự đè nén. Ở đây cũng vậy, sự giận dữ xuất hiện trong người bị khuất phục, và sự bất an, sợ sệt lại có trong kẻ chiến thắng. Có những hoàn cảnh xem ra cần tranh chấp, nhưng những hoàn cảnh như thế thường là kết quả của những thù hận trước đây. Giao chiến tự nó không bao giờ kết thúc hận thù. Nó chỉ kết thúc chiến tranh cho một giai đoạn nào đó mà thôi. Ngay cả nó mang lại chiến thắng bằng cách đánh bại đối phương, chúng ta cũng hãy chuẩn bị cho sự bộc phát của những hận thù đang âm ỷ, ngoại trừ chúng ta thiết lập được một quan hệ mới của sự bình đẳng và tin tưởng lẫn nhau.

Cũng vậy, trong quan hệ giữa bố mẹ và con cái hay vợ với chồng đều đúng như vậy. Rất ít người trong thời đại hôm nay được chuẩn bị để thỏa đáp những lợi ích khác nhau trong tinh thần cộng tác. Sự thiếu cảm giác xã hội, thiếu can đảm, và thiếu tin tưởng là nguyên nhân của niềm tin sai lầm này là: một sự giải quyết có thể được tìm thấy bằng cách chống đối nhau hoặc nhượng bộ nhau. Thật ra, một thái độ thích hợp thì cần thiết để giải quyết những khác biệt nhau mà không xúc phạm đến phẩm giá và sự tự trọng của những người liên quan. Dầu con người đã chung sống với nhau rất lâu, chúng ta vẫn là những người mù trong nghệ thuật sống chung. Và dầu chỉ xuất hiện ở chân trời của xã hội con người cách đây 5 hoặc 6 ngàn năm, nó vẫn còn là một lý tưởng đáng để chúng ta nhận thấy và học hỏi, đó là tâm lý và tâm thần có thể làm thăng tiến những liên hệ dân chủ bằng cách phân tích và sửa sai những cá nhân và những liên hệ của họ.

Lm. Lê Văn Quảng, tiến sĩ tâm lý

VỀ MỤC LỤC

THẢO GIÀY

Tôi nhớ lại một câu truyện rất lí thú về sự tích đôi giày. Truyện kể rằng ngày xưa có một ông vua, sống rất xa xỉ. Mỗi khi đến đâu, ông bắt dân chúng nơi ấy phải trải thảm nhung trên tất cả những con đường ông đi qua. Càng được đón tiếp long trọng, ông càng thích đi; và ông càng đi, người ta càng phải trải nhiều thảm nhung cho ông bước lên. Cho đến một ngày, người ta không kịp sản xuất nhung để lót đường cho ông vua. Điều này làm ông tức giận và ra lệnh rằng ông đến đâu mà không có thảm nhung lót đường, cả dân vùng ấy sẽ bị giết chết hết. Thế nhưng đã có một người đến xin yết kiến vua, ông ta cam đoan rằng nếu vua theo ý ông, vua đi đâu thảm nhung cũng có sẵn mà không phải huy động một ai cả. Vua bằng lòng, và ông nọ dùng hai mảnh nhung nhỏ, khâu thành một đôi giày nhưng rồi mời vua xỏ chân vào. Thế là từ đó, vua đi đâu "thảm nhung" đi theo đến đấy. Kỹ nghệ làm giày từ đó dần dần thành hình và phát triển.

Câu truyện này khiến tôi suy nghĩ và cảm thấy có liên hệ tới tính chất của những đôi giày. Đôi giày tượng trưng cho sự giàu có, hay ít ra cũng là đủ ăn đủ mặc, đôi giày làm cho người ta trở nên chững chạc, lịch sự. Đi đến nơi nào có vẻ quan trọng một chút, người ta xỏ chân vào đôi giày, tự nhiên trông có vẻ tươi tắn ngay. Bà phu nhân của cố tổng thống Phi Luật Tân Marcos có tới vài trăm đôi giày đắt giá. Tôi không biết có ai trong chúng ta có tới vài trăm đôi giày như vậy không, nhưng chừng vài chục đôi thì tôi cũng đã biết có người. Có những người ham thích mua giày, dư tiền một chút, họ đi sắm giày. Những đôi kiểu mới, họ mang vào chân, ngắm nghía rồi mua đem về, dù rằng những đôi cũ còn rất tốt, lại có những đôi họ chưa xỏ chân vào lần thứ hai. Chính vì có nhiều người ham thích mua giày, đóng giày mà kỹ nghệ sản xuất giày phát triển rất mạnh, với nhiều hãng giày nổi tiếng. Có những đôi giày trị giá mấy trăm Mỹ kim, trong khi một đôi dép dùng hằng ngày trong nhà có thể chỉ phải mua với giá hai, ba đồng.

Đôi giày làm nên ranh giới của người nọ đủ và người nghèo đói. Đôi giày cũng ..làm nên ranh giới của người tự do và người nô lệ. Ngày xưa, trong một số xã hội nào đó chỉ những người tự do mới được quyền đi giày, còn người nô lệ phải đi đất. Dụ ngôn "đứa con hoang đàng" trong Phúc Âm cũng có hình ảnh của đôi giày. Khi đứa con hoang trở về, nghèo đói, rách nát quì xuống chân cha nói lời tạ tội và chỉ mong cha cho trở về, nhận làm kẻ hầu người hạ trong nhà chứ không dám mơ được nhận làm con như trước; người cha nhân lành đã đỡ con dậy, gọi gia nhân đem áo cho mặc, nhẫn cho đeo, giày cho đi. Đôi giày ấy thay cho lời người cha, nói với người con rằng: "Con là con cha, là người tự do, con không phải là kẻ ăn người ở, không phải là hạng nô lệ trong nhà này."

Nhưng đôi giày cũng là vật tượng trưng cho sự gò bó. Đôi giày trở nên nổi cực hình đối với những ai thích cho đôi chân mình được thoải mái. Tôi vốn thích đi dép hoặc xăng đan "cho nó mát". Ngày đầu tiên đi dạy học, tôi cũng định lê đôi dép vào trong lớp, nhưng mẹ tôi đã đe: "Nếu con không chịu mua giày và không chịu đi giày, mẹ không cho con tới trường dạy học." Tôi hoảng quá, đành phải đi sắm giày mà trong lòng lấy làm đau khổ vô cùng. Bây giờ, tôi vẫn có thói quen đi dép hay đi xăng đan. Và đang khi có đôi chân thoải mái như thế,

tôi nhìn những người bạn phải đi giày suốt từ sáng đến tối mà thương cho họ. Nhất là những cô phải xỏ chân vào đôi giày cao gót và để đôi giày ấy đeo cứng chân mình, dù đi, dù đứng, dù ngồi; chắc là bí bức, gò bó lắm. Nhưng nói vậy thôi, có nhiều người sẵn sàng chịu sự gò bó để cảm thấy mình đẹp và được khen là đẹp. Tuy nhiên, tôi cũng thấy có nhiều người, nhất là những người trẻ, bước đi trên đường phố bằng những đôi chân trần không giày dép. Những người trẻ này có lẽ không thích sự gò bó, dù là sự gò bó của đôi giày hay sự gò bó của những luật lệ, định chế xã hội.

Có một khoa nhìn giày để đoán ra tính nết người đi đôi giày đó. Người ta nhìn đôi giày mòn ở mũi hay ở đế, mòn phía trong nhiều hay mòn phía ngoài nhiều, rồi từ đó đoán ra người đi đôi giày ấy tính hướng nội hay hướng ngoại, bình tĩnh hay hấp tấp, cương quyết hay e dè v.v... Tôi không biết những điều ước đoán ấy đúng, sai ra sao, nhưng từ lâu tôi vốn thích ngắm những đôi giày mòn vẹt hơn là nhìn những đôi giày bóng loáng chưa đựng đất trong tiệm bán giày. Giày đẹp lắm mà chưa dùng đến thì cũng chưa đem lại chút lợi ích gì cho con người. Giày càng mòn, càng vẹt bao nhiêu, càng chứng tỏ nó đã giúp cho con người đi chuyển nhiều bấy nhiêu. Đẹp mà không giúp ích cho đời, cũng không quý bằng dù tàn tạ nhưng đã đem lại ích lợi cho đời sống con người.

Chính vì thế đã có người rất quý trọng đôi giày mòn, vẹt của mình. Người ta kể rằng một tu viện nọ tổ chức một cuộc tĩnh tâm. Cuối ngày, cha tu viện trưởng nói với mọi người để lên bàn vật mình cho là quý nhất. Các tu sĩ lần lượt để lên bàn những báu vật của mình. Người thì đặt lên một cây thánh giá bằng vàng, người khác là một cuốn thánh kinh đóng bìa da công phu, người khác nữa là một tràng hạt bằng bạc... Đến lần vị tu sĩ kia, ông thản nhiên cúi xuống tháo đôi giày cũ kỹ, mòn vẹt của ông và trình trọng đặt lên bàn. Mọi người ồn ào, bất mãn, người ta cho rằng vị tu sĩ kia ngạo mạn và bất kính đối với người khác và đối với những báu vật của họ. Tu viện trưởng ra lệnh cho vị tu sĩ kia giải thích tại sao lại cho đôi giày cũ kỹ bụi bặm kia là vật quý nhất, vị tu sĩ trả lời: "Vì chính nhờ nó, con đã đem được Tin Mừng của Chúa Ki-tô đến biết bao con người ở những miền đất xa xôi." Câu chuyện này khiến tôi liên tưởng đến lời của tiên tri Isaia: "Đẹp thay bước chân người đi gieo rắc Tin Mừng."

Ai từng đi giày cũng có một đôi giày mình ưng ý nhất, đôi giày ấy đi vào vừa vặn, bước đi thật êm, nó không cọ xát khiến đôi chân đau bỏng, nó không bó đôi chân lại khiến chân bị tê biết, nó cũng không lỏng lẻo khiến cho đôi chân muốn tuột ra ngoài. Khi có một đôi giày ưng ý rồi, ta không thích đi đôi giày khác, nhất là không thích dùng giày của người khác. Đôi giày khi đó trở thành vật biểu tượng cho sở thích, cho bản tính của mình. Có lẽ chính vì thế mà lâu nay người ta có thành ngữ "đi giày nhiều người". Thành ngữ này có nghĩa là khi làm việc, ta phải chiều theo tính nết của quá nhiều người thì việc mới thành tựu được. Phải "đi giày nhiều người" là một tình trạng rất khổ tâm của những người muốn hoạt động hữu hiệu cho một mục tiêu cao đẹp, mà cứ phải chiều ý hết người này tới người khác. Mặt khác, "đi giày nhiều người" cũng là câu chê bai dành cho những ai không dám tự quyết không dám can đảm dẫn thân, bất chấp những nhân sự "cản mũi kị đà", mà cứ luôn luôn phải làm theo ý người này, người nọ.

Dịp lễ Phục Sinh vừa qua, tôi được dịp "tháo giày" một cách hết sức thoải mái. Chuyện "tháo giày" của tôi không liên quan gì đến việc các viên chức đóng vai mười hai tông đồ, tháo giày ra cho vị linh mục chủ tế, bắt chước Chúa Giê-su, rửa chân cho mình. Chuyện "tháo giày?" của tôi hoàn toàn khác. Tôi được gọi đến dự một cuộc tĩnh tâm của giới trẻ. Sau những nghi thức và những bài giảng, đêm đã về khuya. Đây là thời điểm thuận tiện nhất để những người trẻ ngồi lại với nhau, tâm sự về những thao thức, những ước vọng, những suy tư của mình. Để tạo bầu không khí thân mật, vị linh mục phụ trách kêu gọi mọi người ngồi xuống đất bên nhau thành vòng tròn, thay vì ngồi trên ghế. Muốn ai cũng có thể ngồi thoải mái, vị linh mục xin mọi người tháo giày ra trước khi ngồi. Khi được lệnh "tháo giày", tôi là người sung sướng nhất. Lúc nào tôi cũng mong đợi chân mình được tự do! Vừa tháo giày, tôi vừa quan sát những người trẻ chung quanh. Một số tháo giày ra ngay; một số khác còn ngần ngừ, như còn e dè, nuôi tiếc gì đó. Nhưng rồi cuối cùng, ai cũng tháo giày ra hết. Với đôi chân thoải mái, mọi người ngồi xuống đất, vòng tròn thu hẹp dần, thu hẹp dần, cho đến khi vai người này có thể chạm được vai người khác, đầu người nọ có thể chạm vào đầu người kia. Và họ bắt đầu chia sẻ với nhau về những ưu tư, khát vọng, mơ ước, hạnh phúc, đau khổ của mình. Đúng lúc ấy tôi nghĩ tới đôi giày mọi người vừa tháo khỏi chân. Đôi giày, nhìn dưới một khía cạnh nào đó, chính là bản chất riêng của mỗi người. Để có thể ngồi sát bên nhau, vai chạm vai, đầu chạm đầu, nghe được nơi nhau những lời chia sẻ thân tình, chúng tôi phải tháo đôi giày, phải cởi bỏ bản chất riêng của mình trước đã, rồi mới có thể hòa đồng trong

một bầu khí chung, một tâm tình chung. Những giọt lệ nơi khóe mắt tôi ứa ra một cách kín đáo.

Tôi ước mong trong cuộc sống, tôi và các bạn tôi biết nhận thức rằng: ***rất nhiều lúc, chúng tôi phải tập "tháo giày" tập cởi bỏ bản chất riêng để cùng nhau theo đuổi một mục đích chung. Cùng nhau đi chân trần trên đường hướng về lí tưởng, có lẽ thích thú hơn lợp cốp với đôi giày để bước những bước độc hành.***

Nhà Văn Quyên Di

VỀ MỤC LỤC

QUYẾT TÂM ĐẦU NĂM

Chắc cũng chưa quá trễ để nêu ra những điều muốn thực hiện trong năm sắp tới. Vì bây giờ mới là giữa tháng Giêng dương lịch và còn hơn một tháng nữa mới Tết Nguyên Đán Việt Nam, năm của Chúa Sơn Lâm, Ông Ba Mươi, Ông Hồ.

Quyết tâm là sự cố gắng thực hiện cho bằng được một điều gì dù là có gặp khó khăn trở ngại. Sự cố gắng này diễn ra hàng ngày trong sinh hoạt thường lệ của con người, vì cổ nhân đã nói " Sống cho có sống mà không cố gắng là sống vô vị".

Tuy nhiên, vào mỗi dịp đầu năm, thì nhiều người vẫn có thói quen tính sổ, ôn lại chuyện vui buồn, thành công, thất bại trong năm cũ rồi đưa ra những ước vọng sẽ thực hiện vào năm sắp tới. Đó là "Quyết Tâm Đầu Năm- New Year Resolutions".

Theo một số nghiên cứu, tập tục này đã xuất hiện từ nhiều ngàn năm về trước ở triều đại Babylon. Ước muốn của dân chúng lúc đó rất ư giản dị là họ sẽ hoàn trả dụng cụ canh nông như cây cuốc mà họ đã mượn của hàng xóm hoặc trang chủ. Đối với nông dân, các dụng cụ canh tác rất quý, mượn phải trả.

Rồi tới đế chế La Mã, quyết tâm đầu năm là tìm kiếm sự tha thứ từ đối phương cho các lỗi lầm đã gây ra trong khi bành trướng.

Việt Nam mình có phong tục chúc mừng Tết Nguyên Đán. Người lớn chúc nhau được khang an thịnh vượng; trẻ em được ông bà cha mẹ mừng tuổi, mau ăn, chóng lớn. Con cháu cảm ơn, chúc thọ ông bà cha mẹ và cũng hứa sang năm sẽ ngoan hơn, học hành chăm chỉ hơn.

Về lãnh vực tôn giáo, lời hứa không ăn thịt, uống rượu trong Mùa Chay của Cơ Đốc Giáo hoặc suy giảm lại những lầm lỗi đã phạm trong năm trước rồi tha thứ và xin tha thứ của Do Thái Giáo trong dịp đầu năm cũng có những tác dụng tương tự để tự sửa mình.

Ngày nay, lời tự hứa hoặc cam kết sẽ làm của dân chúng thường rất thực tế. Quá mập phì ư? Thì quyết tâm năm tới sẽ giảm cân. Bỏ thuốc lá để khỏi ho hen, tránh ung thư phổi. Tiêu pha phung phí thì sẽ cố gắng giảm chi, tiết kiệm trả hết nợ cũ...

Thực hiện được "quyết tâm đầu năm" cũng mang lại niềm vui tâm lý cho bản thân. Những điều muốn làm là những thách thức để mình cố gắng vượt qua. Ta phải vận dụng trí óc, tìm kiếm phương thức thực hiện. Đó là những động lực thúc đẩy ta, khiến ta cương quyết hơn để kết luận "cố gắng là mẹ thành công", chẳng khó khăn nào mà không vượt qua được.

Về phương diện xã hội, có những lúc mình cảm thấy thấp kém về vai vế, về tính tình, về hình dáng so với người khác thì mình quyết tâm thay đổi. Để bằng người. Thực hiện được quyết tâm thì niềm tự tin cũng cao hơn.

Tuy nhiên, dù có nhiều người muốn quyết tâm, nhưng các thăm dò cho hay, tỷ lệ thành công không cao lắm: chỉ 20-30% mà thôi. Lý do bỏ cuộc là không có kế hoạch cụ thể, thực tế và không kiên tâm. Lập một danh sách thì dễ nhưng thực hiện mới khó.

Muốn Quyết Tâm được kết quả như ý muốn cũng công cần lưu ý mấy điều:

1- Trước hết là cần thoải mái, cân nhắc viết ra những khó khăn, thành công trong năm vừa qua. Nghiền ngẫm đọc đi đọc lại rồi lựa xem vấn đề nào là quan trọng nhất, không thay đổi không được và phải thực hiện với bất cứ giá nào.

2- Nêu rõ lý do thất bại của từng vấn đề trong quá khứ, rút ưu khuyết điểm. Thất bại vì mình hoặc vì ngoại cảnh, vì không có phương tiện, thì giờ, vì nhiều cạnh tranh...

3- Đặt thứ tự ưu tiên vấn đề nào cấp bách thì làm trước.

4- Ghi rõ chi tiết các vấn đề một cách chính xác, rõ ràng

5- Nếu thấy cần, hoàn tất từng vấn đề chứ chẳng nên ôm đồm nhiều việc một lúc.

6- Chương trình thực hiện quyết tâm rõ ràng. Làm như thế nào, ở đâu, có cần sự tiếp tay của người khác. Nêu ra những phương thức thực tế, có thể thực hiện được.

7- Đặt thời gian thực hiện. Ghi kết quả của từng giai đoạn.

8- Chia sẻ với người thân về ý muốn của mình và nhờ hỗ trợ tinh thần.

9- Cần phải tự kỷ luật, tuân theo phương thức hành động đã nêu ra và làm việc có nguyên tắc

Lấy một vài thí dụ:

Để giảm mập, phải ghi rõ là làm cách nào để giảm cân thì phải suy nghĩ không ngoan, ăn uống đúng cách, vận động nhiều hơn với mục tiêu là giảm 1,2,3.. kí trong 2 tuần lễ. Chứ không phải chỉ khơ khớ nói là sẽ giảm mập.

Để kiếm nhiều tiền thì cũng có nhiều phương thức khác nhau nhưng điểm quan hệ là phải cố gắng, làm việc hết sức mình một cách có tổ chức và tính toán chi tiêu đúng với nhu cầu. Chứ không phải chỉ nêu ra ước muốn rồi "há miệng chờ sung".

Muốn bỏ thuốc lá ư? Thì hãy nghĩ tới hậu quả hen suyễn như gà mắc dây thung mỗi khi hít khói thuốc vào phổi, hoặc nghĩ tới Hội Ung Thư Hoa Kỳ cho hay 90% tử vong ở nam giới, 80% ở nữ giới vì ung thư phổi là do cả mấy ngàn hóa chất trong thuốc lá gây ra. Muốn tránh các hiểm nguy trên, cần phải ngưng hút thuốc lá. Có nhiều phương thức, được phẩm do các cơ quan y tế công tư sẵn sàng tiếp tay. Chỉ cần cương quyết là "giã từ khói thuốc" được ngay.

Rồi lại còn quyết tâm dành nhiều thì giờ cho vợ chồng, con cái; giảm căng thẳng trong đời sống, học thêm vi tính, làm việc thiện nguyện...Kể ra thì có nhiều quyết tâm muốn làm.

Nhưng có lẽ "Quyết Tâm cho Mỗi Buổi Sáng của Năm Mới, do nhà giáo dục và lãnh đạo tôn giáo Hoa Kỳ, Giám Mục John H. Vincent (1832-1920) viết ra, là khá thực tế, có thể thực hiện được. Xin lược dịch gửi quý thân hữu.

"Hôm nay tôi sẽ cố gắng giản dị, chân thật và trong sáng, xua đuổi mọi tư tưởng bất mãn, lo âu, chán nản, đen tối, vụ lợi; nuôi dưỡng sự hào hứng, cao thượng, bác ái và thói quen im lặng thần thánh; áp dụng cần kiệm chi tiêu, dè dặt trong đối thoại, siêng năng với nhiệm vụ được giao phó, trung thành với sự thực và đặt trọn niềm tin nơi Thượng Đế".

Ước muốn chỉ có vậy mà quá ư xúc tích, làm được thì cuộc đời nhẹ nhàng biết là bao.!

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D. Texas-Hoa Kỳ

Năm Canh Dần cầm tinh con cọp, vì thế trong mục chuyện phiếm hôm nay, gã xin bàn về một vài đặc tính của cọp.

Theo gã được biết, thì hổ, cọp hay hùm...là một loài thú vừa lớn lại vừa dữ, thuộc nhà mèo. Thân dài, cổ ngắn, đầu tròn, râu cứng, răng nhọn. Lông màu vàng đỏ và có nhiều vằn đen. Sống trong các khu rừng, kể cả rừng đầm lầy có lau sậy. Chúng thường ăn thịt hươu nai, lợn rừng, thậm chí có khi bắt cả trâu bò mà ăn. Mỗi bữa dùng tới 30, hay 50 ký lô thịt. Sau đó, có thể nhịn trong nhiều ngày...(Từ điển Bách khoa Việt Nam).

Như vậy, xét theo chính tông dòng họ "miêu" thì có đủ các loại mèo, từ mèo to đến mèo nhỏ, từ mèo mun đến mèo mướp, từ mèo nhà đến mèo rừng...Đây là những loài mèo con nhà "mão". Bên cạnh đó còn có những con tương cận, tuy theo vóc dáng, và nhất là bộ lông, người ta có thể chia thành:

- 1- Hổ, cọp, hay hùm.
- 2- Báo hay beo.
- 3- Sư tử.

Tóm lại, cọp beo và sư tử đều có liên hệ dây mơ rễ má với nhau, vì cùng chung một gốc gác là mèo. Chẳng thế mà dân bợm nhậu hiện nay vốn gọi mèo là tiểu hổ. Ngoài ra, trong dân gian người ta thường gọi hổ, cọp, hùm là...ông ba mươi. Số là ngày xưa, hễ ai giết được một con cọp, thì sẽ được nhà nước thưởng cho ba mươi quan tiền!

Nói tới hổ, cọp hay hùm là người ta nghĩ ngay tới cái dáng dấp hào hùng mạnh mẽ, cái khí thế oai phong lẫm liệt. Vì vậy, hình ảnh của loài thú này vốn được dùng làm biểu tượng cho các vị tướng lĩnh và các bậc anh hùng. Chẳng hạn người ta dùng danh từ "hổ tướng" để nói về một viên võ tướng có dáng điệu uy nghi, oai vệ, trông rất hùng dũng:

- Ra oai hổ tướng đoạt thành,
- Ngồi tan, trúc chẻ, tan tành thịt xương.

Còn hai chữ "hổ tướng" có ý nói tới nơi đóng quân của viên chủ tướng. Nơi đây thường có vẽ hình con hổ. Tục truyền rằng vua nước Lương là Từ Tri Ngạc, trong những cuộc chinh phạt, thường dùng da hổ vây quanh trướng để hợp với các thuộc hạ, luận bàn về quân sự. Vì thế nơi này được gọi là hổ trướng:

- Hợp trong hổ trướng luận bàn quân cơ.

Cũng vì thế, mà người dân Việt Nam đã gọi ông Hoàng Hoa Thám, hay Đề Thám, người anh hùng đất Yên Thế là Hùm thiêng Yên Thế.

Theo sử sách ghi lại, ông là người thôn Lang Trung, thuộc tỉnh Bắc Giang. Tên thật là Trương Văn Thám. Cha là Trương Văn Vinh, còn mẹ là người làng Ngọc Cục, gần thôn Lang Trung. Năm 20 tuổi, Thám tình nguyện xung vào đoàn nghĩa binh của Trần Quang Soạn để chống Pháp. Năm 23 tuổi, theo cha nuôi là Ba Phúc đi Vân Nam vận động nghĩa binh, rồi về giúp việc cho Cai Kinh, được phong làm Đề đốc và từ đó được gọi là Đề Thám.

Ngày 06.7.1888, Cai Kinh bị giết ở Lạng Sơn, Đề Thám tụ tập nghĩa quân chống Pháp suốt vùng Võ Giang, Hiệp Hoà, Việt Yên...Tháng 4 năm 1889, binh lính được khoảng 500 tay súng, tụ tập ở làng Đình Tảo, làm lễ tế cờ, cùng nhau uống máu ăn thề, rồi lập đồn ải khắp vùng Phủ Lạng Thương, Vĩnh Phúc Yên, Thái Nguyên, Bắc Giang và đặt tổng hành dinh tại Yên Thế. Lúc mạnh thì đánh. Lúc yếu thì trá hàng, làm cho Pháp rất cực nhọc, dẹp không được, mà cầm cũng không yên.

Chính trong lần trá hàng chót vào năm 1905, Đề Thám cho tổ chức đảng Nghĩa Hưng để

hoạt động trong hàng ngũ của địch, rồi ngày 17.11.1907 làm một vụ nội công ngoại kích tại cửa Nam, Hà nội và ngày 27.6.1908 đầu độc công binh Pháp. Năm 1909, Pháp phải huy động hết lực lượng đánh vào Yên Thế, làm cho Đề Thám phải chiến đấu rất cam go. Nghĩa quân, lớp tử trận, lớp ra hàng, số còn lại cũng dần dần mất hết tin tưởng nơi chủ tướng. Các con lớn đều chết, chỉ còn người con gái nhỏ tên Hoàng Thị Thế, là con bà vợ ba, cũng cùng mẹ bị bắt vào tháng 11 năm 1909.

Mặc dù đã ở vào đường cùng, ông vẫn còn cố gắng hoạt động ở Thượng Yên. Ngày 21.11.1911, Pháp đem quân đến bao vây ngọn đồi gần Yên Lê, làm bị thương 7 người và giết chết 5 người khác. Riêng ông thì thoát khỏi vòng vây. Từ đó, hay tin ông ở đâu là Pháp liền đem quân truy nã, nhưng không thể nào bắt được ông. Cuối cùng, Pháp phải nhờ đến Lương Tam Kỳ là một tên giặc khách cho người trá hàng, lừa thế giết ông trong đêm ngày 9.2.1913, để lãnh tiền thưởng.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của nghĩa quân và đảng Nghĩa Hưng bị chấm dứt. Tuy nhiên, người anh hùng đất Yên Thế hay con hùm thiêng Yên Thế vẫn sống mãi trong tâm khảm của người dân Việt Nam.

Thực đúng như người xưa đã từng nói:

- Hồ tử hùng tâm tại. Có nghĩa là cọp tuy chết, nhưng cái khí thế hùng mạnh của nó vẫn còn đó. Người anh hùng tuy chết, nhưng danh tiếng vẫn lưu truyền muôn đời.

Hay như:

- Hồ tử lưu bì, nhân tử lưu danh, có nghĩa là hổ chết để da, người ta chết để tiếng.

Cũng giống như cọp, người anh hùng đôi lúc cũng gặp phải hoạn nạn theo kiểu: hùm thiêng mắc bẫy mọi, có nghĩa là người tài ba mà sa cơ vì mưu kế của một kẻ vô danh.

Đời Tam Quốc bên Tàu, Quan Vân Trường đứng đầu ngũ hổ tướng của Hán Trung Vương. Khi thủ Kinh Châu, đã từng bắt Vu Cấm, giết Bàng Đức là tướng tài của Tào Tháo. Nhưng rồi lại bị Lữ Mong, một viên tướng tầm thường của Ngô Quyền triệt hạ các phong hoá đài, đoạt Kinh Châu trong lúc Quan Công đi đánh Phàn thành, rồi phục binh bắt Quan Công nơi Quyết Thạch.

Và một khi dậu đổ thì bìm leo. Hổ lạc bình dương, khuyến khi. Có nghĩa là cọp xuống đất bằng thì bị chó khinh. Người anh hùng một khi đã hết thời, thì ngay cả những kẻ chẳng ra gì cũng dám mở miệng chê bai.

Còn đâu nữa cái thời oanh liệt, bọn tiểu nhân kéo đến núp bóng, lợi dụng danh nghĩa mà ra oai theo kiểu "cáo mượn oai cọp". Truyện rằng:

Tuyên Vương làm vua cả nước Sở. Chiêu Hề Tuất chỉ là một kẻ bầy tôi. Thế mà người phương bắc, hể nghe thấy nói về Chiêu Hề Tuất cũng đều phải kính sợ. Vua lấy làm lạ, một hôm hỏi quần thần là vì cớ làm sao? Không ai trả lời nổi. Chỉ có Giang Nhất thưa được rằng:

- Con hổ hay bắt các giống thú để ăn thịt. Một hôm bắt được con cáo. Cáo bảo: Liều đó! Chớ có động chạm đến ta mà chết ngay bây giờ. Ta là Trời sai xuống, cầm quyền coi hết cả bách thú. Người ăn thịt ta là người trái mệnh trời, hại đến thân ngay lập tức. Không tin, cứ để ta đi trước, người theo hầu sau, xem có con thú nào trông thấy ta mà lại không sợ hãi tìm đường trốn cho mau hay không!

Hổ cho cáo là nói thật, bèn theo cáo đi. Quả nhiên bách thú trông thấy đều sợ mà chạy cả. Hổ vẫn không biết rằng bách thú sợ mình mà chạy, cứ tưởng là sợ cáo. Nay nhà vua nước mạnh, quân nhiều mà vua giao cả quyền thế cho Chiêu Hề Tuất, người phương bắc sợ Hề Tuất, nhưng kỳ thực là sợ vua, cũng như bách thú sợ cáo vậy.

Những kẻ tầm thường mượn quyền thế người trên để hống hách, dọa nạt người ta. Nếu không biết, thì người ta còn sợ, chứ khi "hổ mà thêm cò, lừa mà thò tai", thì chẳng những người ta đem lòng khinh, mà còn làm đề nhục cho bổn phận. (trích trong Cổ Học Tinh Hoa).

Còn đâu nữa cái thời oanh liệt làm bá chủ cả sơn lâm, như Thế Lữ đã từng diễn tả qua bài "Nhớ rừng":

Gậm một khối cảm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lữ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé riều oai linh rừng thẳm
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi.
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.
Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thủa tung hoành, hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên, đông dặc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vờn bóng âm-thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chúa tể muôn của loài
Giữa chốn thảo hoa, không tên không tuổi.
(.....)

Tiếp đến, gã xin trình bày về cái tình của loài cọp. Cọp tuy dữ, thế nhưng nhiều lúc cái tình của nó cũng thật đậm đà và dễ thương, nó chẳng bao giờ ăn thịt con của mình.

Đối với con người, cọp thường là một mối đe dọa và để lại những hậu quả thảm khốc. Thế nhưng đôi lúc cọp cũng tỏ ra quý mến và biết ơn người đã từng giúp đỡ nó, như câu truyện « Người nuôi cọp » dưới đây:

Ngày xưa, ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa có một ông lão tiều phu tên Nguyễn Quốc Oai, tính khí ôn hòa nhàn hạ. Ông lão không có con, chỉ có hai vợ chồng trợ trợ. Nhà làm ở trong núi, hàng ngày kiếm củi bán để sống.

Một hôm, ông lão đi vào rừng trông thấy ở dưới đèo có một con cọp con lông vuốt chưa mọc mà mình mẩy thì đầm đìa máu. Đoán chừng là cọp mẹ cũng con đánh rơi xuống không lấy lên được, bèn treo xuống bắt lên đem về nuôi, lấy thuốc bôi cho khỏi chỗ đau. Bà vợ thấy thế, can chồng rằng:

- Cọp là giống hung tợn, nuôi thế nào được, hãy thả nó ra, kéo lại mắc họa về sau.

Ông lão không nghe, nói rằng:

- Giống vật cũng có linh tính, biết đền ơn trả nghĩa. Như trước kia có người đàn ông kiếm

củi ở làng Thuận Lộc chữa cho cọp khỏi hóc, người đàn bà bán rượu ở làng Trung Hà giúp cọp sinh đẻ, đến bây giờ những người ấy vào rừng không lo gì cọp nữa. Những người ấy làm ơn trong một lúc mà con cháu còn được đền ơn đến bây giờ. Huống chi là ta nuôi từ lúc yếu đến lúc mạnh, coi nó như là con.

Từ đó, ông nuôi cọp như con. Lúc ăn uống, cho ngồi ở bên, lấy thức mình ăn thừa cho cọp ăn. Dần dần, lông cọp mỗi ngày một dài, nanh vuốt đầy đủ, mà cọp lại hiểu ý người ta, lúc thì múa, lúc thì nhảy làm trò cho vui.

Thấy thế, ông lão càng yêu nó lắm. Đi đâu, ông cũng bảo nó đi theo hầu mang đồ nhắm và đeo bầu rượu. Lúc uống rượu xong thì ông lại cưỡi cọp mà đi lảng nhãng ở trong rừng núi, ai trông thấy cũng lấy làm lạ, sợ hãi.

Buổi tối ông thường đơm dõ ở dưới khe suối lấy cá, thỉnh thoảng bị kẻ khác lấy đi mất. Vì thế đêm đêm ông dẫn cọp cứ ra đấy mà giữ. Khi nào ông đến thì ho lên mấy tiếng cho nó biết. Hễ cọp nghe thấy tiếng thì ra đón rượu. Ông xuống khe, đổ dõ lấy cá đem đổi lấy thịt để nuôi cọp.

Cứ như thế được nửa năm. Một đêm, ông say rượu, ra chỗ đơm dõ quên không lên tiếng, con cọp ngỡ là người khác liền cắn ngay một miếng. Đến lúc trông mặt, biết là cha nuôi mình thì đã muộn. Cọp liền cắn xác cha nuôi lên bờ rồi về nhà, đến trước vợ ông lão, cọp phục xuống mà chảy nước mắt ra, như là kẻ đến thú tội. Người vợ thấy thế lấy làm ngạc nhiên, đốt đuốc đi theo cọp.

Khi đến nơi, thấy chồng nằm trên bờ suối, áo quần đầm đìa những máu, bà liền kêu lên rồi trở vào mặt con cọp mà mắng:

- Mày đã quên cái ơn nuôi nấng mà đã vội cắn trả lại chủ mày thế ư? Tao không muốn trông thấy mặt mày nữa, đi đâu thì đi.

Cọp cúi đầu xuống mà ra đi. Sáng hôm sau, người vợ khiêng xác chồng đi chôn.

Đến ngày thành phục thì con cọp đem một con lợn về để ngoài sân, đến ngày cất đám, cọp lại đem về một con bò để cúng chủ. Lại đến ngày tiểu tường, các cọp rủ nhau đến quấy, bắt những súc vật trong làng. Dân chúng sợ hãi xem bói bảo rằng:

- Ấy là cọp muốn báo ơn ông ấy đấy. Các ông nên làm đền thờ Hổ ông. Hễ ông ấy được cúng tế thì yên.

Bấy giờ làng mới đem thờ ông Nguyễn Quốc Oai ở bên tả đình, tôn làm hậu thần, đèn hương ngày đêm cúng tế, gọi là đền Hổ ông.

Quả nhiên từ đấy trong làng được bình yên. (trạng Quê Hương)

Cũng vậy, trâu đi, cọp về, mong rằng đất nước sẽ được an bình và dân tộc sẽ được ấm no hạnh phúc.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng

đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.info

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
